**Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (Tiết 1)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội.

- Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy,liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv cho học sinh xem một số hình ảnh về vai trò của sự phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- GV hỏi HS : Theo em vì sao trong những năm gần đây đất nước ta phát triển trên các lĩnh vực như vậy.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp đàm thoại để tìm hiểu khái niệm sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất.

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được khái niệm của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất.

- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-**  HS nghiên cứu SGK phần 1  **-**  GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời  - Em hiểu thế nào là của cải vật chất? Cho ví dụ  về những của cải vật chất trong thực tế mà em  thường gặp.  - Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Cho ví dụ ?  - Trả lời.  - VD: Lúa, gạo, quần áo, xe cộ, giày dép…  - Trả lời.  - VD: Con người sử dụng công cụ lao động tác  động vào đất trồng để làm ra thực phẩm, lúa gạo.  Hay, con người khai thác đất sét để nung thành  gạch, gốm phục vụ cho nhu cầu xây dựng, trang  trí…  - Theo em, sản xuất của cải vật chất có những vai  trò gì?  - Tại sao nói : Sản xuất của cải vật chất là cơ sở  của đời sống xã hội?  - Vì để duy trì sự tồn tại, phát triển của con người  và xã hội loài người.  - Sản xuất của cải vật chất không chỉ để duy trì sự  tồn tại của con người và xã hội loài người, mà  thông qua lao động sản xuất, con người được cải  tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh  thần.  - Sản xuất của cải vật chất có phải là hoạt động  trung tâm của xã hội loài người hay không? Vì sao  như vậy?  - Là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động  khác của xã hội phát triển.  - Ví dụ: Lấy nguồn vốn thu được từ hoạt động sản  xuất vật chất đầu tư vào hoạt động văn hoá, giáo  dục, nghiên cứu khoa học – công nghệ, làm cho  các lĩnh vực này phát triển theo, dẫn đến đời sống  vật chất, tinh thần của xã hội được cải thiện, nâng  cao.  - Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát  triển và hoàn thiện liên tục của các phương thức  sản xuất của cải vật chất, là quá trình thay thế các  phương thức sản xuất cũ lạc hậu bằng phương  thức sản xuất tiến bộ hơn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | **1. Sản xuất của cải vật chất**  **a. Thế nào là sản xuất của**  **cải vật chất?**  Là sự tác động của con người  vào tự nhiên, biến đổi các yếu  tố của tự nhiên để tạo ra các  sản phẩm phù hợp với nhu cầu  của mình.  **b. Vai trò của sản xuất của**  **cải vật chất**  - Là cơ sở tồn tại và phát triển  của xã hội loài người.  - Quyết định mọi hoạt động  của xã hội.  => Là cơ sở để xem xét và  giải quyết các quan hệ kinh tế,  chính trị, văn hoá trong xã  hội. |

**Hoạt động 2: GV sử dụng phương pháp đàm thoại tìm hiểu các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

- Hình thành kỹ năng phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng sơ đồ dạy học về các yếu tố cơ bản của  quá trính sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.  GV chia HS làm 2 nhóm rồi cho các em thảo luận theo  các câu hỏi sau:  - Để thực hiện quá trình lao động sản xuất, cần phải có  những yếu tố cơ bản nào? | **1. Các yếu tố cơ bản**  **của quá trình sản xuất**  **a. Sức lao động**  - Khái niệm: Là toàn  bộ những năng lực thể  chất và tinh thần của  con người được vận |
| - Cần sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao  động.  - Sức lao động là gì?  - Hãy phân biệt sức lao động với lao động?  - Nhận xét, chốt lại.  - Lao động là khái niệm có nội hàm rộng hơn. Sức lao  động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là  sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Để thực hiện  được quá trình lao động thì không chỉ cần có sức lao  động mà còn phải có tư liệu sản xuất. Hay nói cách khác,  chỉ khi nào sức lao động kết hợp được với tư liệu sản  xuất thì mới có lao động. Người có sức lao động muốn  thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực, chủ động  tìm kiếm việc làm. Mặt khác, nền sản xuất xã hội phải  phát triển, tạo ra nhiều việc làm để thu hút sức lao động.  - Lao động là hoạt động bản chất nhất của con người,  phân biệt con người với loài vật. Ý thức của con người  trong lao động thể hiện: lao động có mục đích, có kế  hoạch, tự giác sáng tạo ra phương pháp và công cụ lao  động, có kỷ luật và cộng đồng trách nhiệm…  - Đối tượng lao động là gì ? Có mấy loại ? Cho ví dụ  minh họa.  - Ví dụ: đất trồng, gỗ rừng, quặng kim loại, tôm cá dưới  sông, dưới biển…  - Ví dụ: sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy, xi măng  để xây dựng .... gọi là nguyên liệu. | dụng vào quá trình sản  xuất.  - Phân biệt sức lao  động với lao động:  + Sức lao động: là khả  năng của lao động.  + Lao động:  . Là sự tiêu dùng sức  lao động trong hiện  thực.  . Là hoạt động có mục  đích, có ý thức của con  người làm biến đổi  những yếu tố của tự  nhiên cho phù hợp với  nhu cầu của mình.  **b. Đối tượng lao động**  - Khái niệm: Là những  yếu tố của tự nhiên mà  lao động của con người  tác động vào nhằm biến  đổi nó cho phù hợp với  mục đích của con  người.  - Phân loại (có 2 loại  đối tượng lao động): |

|  |  |
| --- | --- |
| - Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên  nhưng có phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao  động không ? Vì sao ?  - Không phải mọi yếu tố của tự nhiên đều là đối tượng  lao động. Bởi vì chỉ những yếu tố tự nhiên nào mà con  người đang tác động trong quá trình sản xuất nhằm biến  đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là  đối tượng lao động. Những yếu tố tự nhiên mà con người  chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động thì chưa  trở thành đối tượng lao động.  - Tư liệu lao động là gì ?  - Tư liệu lao động được chia thành mấy loại? Nêu nội  dung cụ thể?  - Công cụ lao động cũng là yếu tố cách mạng nhất, biến  động nhất và là một trong những căn cứ cơ bản để phân  biệt các thời đại kinh tế. C.Mác viết: “Những thời đại  kinh tế khác nhau không phải là ở chỗ chúng sản xuất ra  cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với  những tư liệu lao động nào”. “Cái cối xay quay bằng tay  đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy  bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công  nghiệp”.  - Ví dụ về các công cụ lao động: cày, cuốc, máy gặt đập  liên hợp, máy bơm nước…  - Ví dụ về hệ thống bình chứa của sản xuất: ống, thùng,  hộp, két, vại, giỏ… | + Loại có sẵn trong tự  nhiên.  + Loại đã trải qua tác  động của lao động,  được cải biến ít nhiều.  **c. Tư liệu lao động**  - Khái niệm: Là một  vật hay hệ thống những  vật làm nhiệm vụ  truyền dẫn sự tác động  của con người lên đối  tượng lao động, nhằm  biến đổi đối tượng lao  động thành sản phẩm  thoả mãn nhu cầu của  con người.  - Phân loại (ba loại):  + Công cụ lao động  (hay công cụ sản xuất),  là yếu tố quan trọng  nhất.  + Hệ thống bình chứa  của sản xuất.  + Kết cấu hạ tầng của  sản xuất. |
| - Ví dụ về kết cấu hạ tầng của sản xuất: đường giao  thông, bến cảng, sân bay, nhà ga, phương tiện giao thông  vận tải, điện, nước, thủy lợi, bưu điện, thông tin liên  lạc…  - Theo em, ranh giới phân chia giữa đối tượng lao động  và tư liệu lao động là có tích tương đối hay tuyệt đối  (rạch ròi)?  - Có tính tương đối vì một vật trong mối quan hệ này là  đối tượng lao động, nhưng trong mối quan hệ khác lại là  tư liệu lao động. Ví dụ: Ngày xưa, con trâu là tư liệu lao  động của người nông dân, nhưng lại là đối tượng lao  động của lò giết mổ.  - Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố  nào quan trọng và quyết định nhất? Vì sao?  - Sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất  vì giữ vai trò chủ thể, sáng tạo, là nguồn lực không cạn  kiệt; xét cho cùng, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất  chính là sự biểu hiện sức sáng tạo của con người.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời,  HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định: GV n‌**hận xét, chốt lại. | => Trong các yếu tố cơ  bản của quá trình sản  xuất, sức lao động là  yếu tố quan trọng và  quyết định nhất |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm, vai trò của sản xuất của cải vật chất; các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

- Rèn luyện năng lực tư duy phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK trang 11.

- GV đưa ra tình huống cho học sinh giải quyết để thấy rõ được chỉ có con người mới lao động còn hoạt động của con vật là hoạt động bản năng của loài.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

.GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- GV nêu câu hỏi:Tại sao nước Nhật nguồn tài nguyên thiên nhiên khan hiếm, điều kiện tự nhiên không thuận lợi nhưng tại sao nước Nhật là nước có nền kinh tế phát triển mạnh, đi đầu về lĩnh vực khoa học công nghệ.

- HSTL

- GVKL:‌Vì họ biết đầu tư, khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của

yếu tố sức lao động (thể lực và trí lực), nguồn lực giữ vai trò chủ thể. Trong đó, trí lực của con người, nếu càng được thường xuyên sử dụng thì nó càng được nâng cao, phát triển, trau dồi nhiều hơn.

b.Nhận diện xung quanh:

Bằng kiến thức đã học và kiến thực thực tiễn, em có nhận xét gì về tình hình

phát triển kinh tế ở địa phương em?

c. GV định hướng HS:

- HS làm bài tập 1, SGK trang 11.

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ ( Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là phát triển KT và ý nghĩa của phát triển KT đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV dẫn câu nói của C.Mác: “Kinh tế là nhân tố quyết định cuối cùng của mọi sự biến đổi của lịch sử”.

- GV: Em hiểu như thế nào về câu nói trên của C.Mác.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp vấn đáp, trực quan để tìm hiểu khái niệm phát triển kinh tế.

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được khái niệm phát triển kinh tế là gì, nội dung của phát triển kinh tế

- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** HS nghiên cứu  SGK phần 3  **-**  GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời | **3. Phát triển kinh tế và**  **ý nghĩa của phát triển** |
| - Theo em thế nào là phát triển kinh tế?  - HSTL:  - GVKL:  - GV hỏi: Vậy để biết một nước có nền kinh tế phát  triển hay không em phải dựa vào đâu?  - HSTL:  + Tăng trưởng kinh tế.  + Cơ cấu kinh tế hợp lý.  + Công bằng xã hội.  - GV hỏi: Sự tăng trưởng kinh tế được thể hiện như  thế nào? Cho ví dụ.  - HSTL:  - GVKL: Sự tăng trưởng lên về số lượng, chất lượng  sản phẩm, các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó.  VD: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 của  Việt Nam là 8.43%.  - Để phản ánh sự tăng trưởng kinh tế, hiện nay trên  thế giới người ta dùng tiêu chí: tổng sản phẩm quốc  dân (GNP), hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP).  - Giải thích khái niệm: tổng sản phẩm quốc dân và  tổng sản phẩm quốc nội (SGV, tr. 24).  GNP = GDP + thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài.  Trong đó, thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài = thu  nhập chuyển về nước của công dân nước đó làm việc  ở nước ngoài trừ đi thu nhập của người nước ngoài  làm việc tại nước đó. | **kinh tế đối với cá nhân,**  **gia đình và xã hội**    **a. Phát triển kinh tế**  \* Khái niệm: Là sự tăng  trưởng kinh tế gắn liền với  cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến  bộ và công bằng xã hội.  \* Phát triển kinh tế gồm 3  nội dung:  + Phát triển kinh tế biểu  hiện trước hết ở sự tăng  trưởng kinh tế.  - Tăng trưởng kinh tế là  sự tăng lên về số lượng,  chất lượng sản phẩm và  các yếu tố của quá trình  sản xuất ra nó trong một  thời kỳ nhất định.  - Cơ sở của tăng trưởng  kinh tế:  . Dựa trên cơ cấu kinh tế  hợp lí, tiến bộ để đảm bảo  tăng trưởng kinh tế bền  vững. |

|  |  |
| --- | --- |
| - GV: Tăng trưởng kinh tế phải dựa trên những cơ sở  nào, phải gắn với những vấn đề nào? Vì sao? Cho ví  dụ minh hoạ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm  vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả  lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | . **\*** Phát **t‌**riển kinh tế đi đôi  với công bằng và tiến bộ  xã hội, tạo điều kiện cho  mọi người có quyền bình  đẳng trong đóng góp và  hưởng thụ kết quả của  tăng trưởng kinh tế.  . Phù hợp với sự biến đổi  nhu cầu phát triển toàn  diện của con người và xã  hội, bảo vệ môi trường  sinh thái.  . Gắn với chính sách dân  số phù hợp. |

**Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm tìm hiểu ý nghĩa của phát triển kinh tế.**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được nội dung phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn đời sống.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.  - GV chia lớp thành 4 nhóm , Gv hướng dẫn HS thảo  luận cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau:  \* Hãy nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá  nhân, gia đình và xã hội? Đưa ra các số liệu, dẫn  chứng phù hợp để minh họa; hoặc liên hệ thực tiễn để  lấy ví dụ minh họa về ý nghĩa của phát triển kinh tế  đối với đời sống. (Tổ 1: thảo luận mục a: đối với cá  nhân; tổ 2: thảo luận mục b: đối với gia đình; tổ 3, 4:  thảo luận mục c: đối với xã hội).  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Cho các nhóm tranh luận, bổ sung.  + GV chốt lại các kiến thức cơ bản.  - Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có  việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no. Ví dụ:  GDP tăng, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta  tăng: từ 5.7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu  đồng năm 2005. Năm 2000, bình quân thu nhập đầu  người đạt trên 300 USD/người/năm; năm 2004: 562  USD/người/năm; năm 2007: 729 USD/người/năm.  Nếu GDP tăng từ 7.5 đến 8%/năm thì thu nhập bình  quân ở nước ta năm 2009 dự kiến là 950  USD/người/năm và năm 2010 là 1050 – 1100  USD/người/năm. | **b. Ý nghĩa của phát triển**  **kinh tế đối với cá nhân,**  **gia đình và xã hội**        **- Đối với cá nhân‌**: Tạo  điều kiện cho mỗi người  nâng cao chất lượng cuộc  sống và phát triển toàn  diện cá nhân.    **-**  **Đối với gia đình‌**: Là  tiền đề, cơ sở quan trọng  để thực hiện tốt các chức  năng của gia đình; xây  dựng gia đình văn hóa.  **- Đối với xã hội‌**:  + Làm tăng thu nhập  quốc dân và phúc lợi xã  hội, chất lượng cuộc sống  của cộng đồng được cải  thiện. |
| - Nhờ kinh tế phát triển, đời sống văn hóa được nâng  cao và lĩnh vực y tế được đầu tư phát triển phục vụ tốt  hơn cho đời sống con người, nên tuổi thọ trung bình  của dân số nước ta ngày càng tăng (từ 67.8 tuổi năm  2000 lên 71.5 tuổi năm 2005).  - Phát triển kinh tế tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật  chất và tinh thần ngày càng phong phú cho con người.  Ví dụ: thỏa mãn nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp, giải trí,  vui chơi, du lịch cho từng cá nhân.  - Phát triển kinh tế còn giúp con người có điều kiện  học tập, tham gia các hoạt động xã hội, có điều kiện  phát triển toàn diện. Ví dụ: tạo điều kiện vật chất, tiền  bạc cho các cá nhân theo đuổi ước mơ học đại học và  sau đại học (trang trải tiền học phí, ăn ở, sinh hoạt…)  để nâng cao trình độ; quyên góp làm từ thiện...  - Nhắc lại các chức năng gia đình: chức năng duy trì  nòi giống; chức năng kinh tế; chức năng tổ chức đời  sống gia đình; chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con  cái.  - Nhờ phát triển kinh tế, cuối năm 2005, tỷ lệ hộ  nghèo theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 –  2005 giảm xuống còn 7%.  - Ví dụ: tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm,  giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội.  - Phát triển kinh tế tạo ra nguồn vốn đầu tư vào lĩnh  vực an ninh quốc phòng: trang bị súng ống, đạn dược, | + Tạo điều kiện giải  quyết các vấn đề an sinh  xã hội.  + Là tiền đề vật chất để  củng cố an ninh quốc  phòng, giữ vững chế độ  chính trị, tăng cường hiệu  lực quản lí của Nhà nước,  củng cố niềm tin của nhân  dân đối với Đảng.  + Là điều kiện tiên quyết  để khắc phục sự tụt hậu xa  hơn về kinh tế so với các  nước tiên tiến trên thế  giới; xây dựng nền kinh tế  độc lập tự chủ, mở rộng  quan hệ quốc tế, định  hướng xã hội chủ nghĩa.  **Tóm lại‌**: Tích cực tham  gia phát triển kinh tế vừa  là quyền lợi vừa là nghĩa  vụ của công dân, góp phần  thực hiện dân giàu, nước  mạnh, xã hội công bằng,  dân chủ, văn minh. |

|  |  |
| --- | --- |
| máy móc, thuyền, xe cộ, trả lương cho những người  làm trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Kinh tế phát  triển, chính trị ổn định, làm cho đời sống nhân dân  ngày càng tốt hơn, nhân dân càng tin vào sự lãnh đạo  của Đảng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm  vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả  lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 6 SGK trang 11.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:** Phát triển kinh tế phải gắn với chính sách kinh tế phù hợp bởi vì yêu cầu phát triển kinh tế là tốc độ tăng trưởng kinh tế phải cao hơn tốc độ tăng dân số, có như vậy mới có thể đảm bảo chất lượng cuộc sống ngày càng cao.

- Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường để đảm bảo sự phát triển bền

vững.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

1.GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- Vì sao nói tăng trưởng kinh tế lại đi đôi với công bằng xã hội?

- HSTL

- GVKL:‌Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội, tạo điều kiện cho

mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng

kinh tế. Đồng thời tăng trưởng kinh tế phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển

toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

b.Nhận diện xung quanh:

Bằng kiến thức đã học và kiến thực thực tiễn, em hãy lấy ví dụ cụ thể để làm rõ ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với gia đình em?

c. GV định hướng HS:

- HS làm bài tập 4, SGK trang 11.

- HS sưu tầm tác phẩm truyện ngắn “Đời thừa” của nhà văn Nam Cao.

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (Tiết 1)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Học sinh quan sát 1 ít vật phẩm như: xà phòng, kem đánh răng, kẹo, bánh....điện thoại thông minh...một ít thóc ở nhà làm, 1 bó rau hái ở vườn....

Hỏi: Các em đã mua chúng ở đâu, giá , mục đích sử dụng của chúng?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu khái niệm và hai thuộc tính của hàng hóa (giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa).**

**a) Mục tiêu:** học sinh nêu được khái niệm hàng hóa, khái niệm giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa; phân biệt được sự khác nhau giữa hai thuộc tính của hàng hóa…

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Ví dụ: Ông A nuôi  100 con gà. Khi gà đã lớn, ông đã đem bán đi 80 con để  thu hồi vốn tái sản xuất và mua lấy các sản phẩm tiêu  dùng khác và giữ lại 20 con để giết thịt, cải thiện bữa ăn  cho bản thân và gia đình. Vậy, phần gà nào của ông A  được gọi là hàng hóa?  - 80 con gà mà ông A đem bán, trao đổi lấy các sản  phẩm tiêu dùng khác được gọi là hàng hóa.  - Em hiểu thế nào là hàng hóa? Cho ví dụ những hàng  hóa trong thực tế mà em thường gặp.  - Từ khái niệm hàng hóa, hãy cho biết: để một sản phẩm  trở thành hàng hóa, phải đảm bảo những điều kiện gì?  - Sản phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi đảm bảo đủ 3  điều kiện: do lao động tạo ra; có công dụng nhất định để  thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người; trước khi  đi vào tiêu dùng phải thông qua mua - bán.  - Hãy nêu một ví dụ thực tiễn để chứng minh rằng: thiếu  một trong 3 điều kiện trên thì sản phẩm không thể trở  thành hàng hóa.  - Theo em hàng hóa là phạm trù lịch sử hay là phạm trù  vĩnh viễn? Vì sao? | **1. Hàng hóa**    **a. Hàng hóa là gì?**  - KN: Là sản phẩm của  lao động có thể thoả  mãn một nhu cầu nào  đó của con người thông  qua trao đổi mua - bán.  - Các dạng tồn tại:  + Dạng vật thể (hữu  hình).  + Dạng phi vật thể  (hàng hóa dịch vụ).  **b. Hai thuộc tính của**  **hàng hóa**  - Giá trị sử dụng của  hàng hóa: là công dụng  của sản phẩm có thể  thỏa mãn nhu cầu nào  đó của con người.  - Giá trị của hàng hóa: |
| - Hàng hóa là một phạm trù lịch sử, vì chỉ trong điều  kiện sản xuất hàng hóa thì sản phẩm mới được coi là  hàng hóa.  \* Hàng hóa có thể tồn tại ở mấy dạng trong thực tế ?  Cho ví dụ?  - VD về hàng hóa dạng vật thể, các sản phẩm được trao  đổi, mua – bán trên thị trường như: quần áo, giày dép,  gạo, thịt, sữa, trứng, khoai, đậu, rau, cải…  - VD về hàng hóa dịch vụ: dịch vụ môi giới nhà đất,  dịch vụ giới thiệu việc làm, dịch vụ bưu điện…  - Chuyển ý: Hàng hóa có những thuộc tính nào? Bản  chất của từng thuộc tính đó là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở  mục b.  - Cho học sinh xem sơ đồ về nhu cầu của con người,  trong đó có:  + Nhu cầu cho sản xuất: máy móc, thiết bị, nguyên vật  liệu…  + Nhu cầu tiêu dùng cá nhân:  . Về vật chất (lương thực, quần áo, xe cộ…).  . Về tinh thần (giải trí, du lịch, đọc sách báo, học tập  nâng cao trình độ…).  - Yêu cầu học sinh lấy ví dụ về một số sản phẩm thỏa  mãn từng nhu cầu nói trên.  - Yêu cầu học sinh tìm ra các công dụng của từng sản  phẩm hàng hóa mà các em đã nêu. Ví dụ: lương thực | + Được biểu hiện ra  bên ngoài thông qua giá  trị trao đổi của nó.  + Là lao động xã hội  của người sản xuất hàng  hóa kết tinh trong hàng  hóa.  => Hàng hóa là sự  thống nhất của hai thộc  tính: giá trị sử dụng và  giá trị, nhưng là sự  thống nhất của hai mặt  đối lập, thiếu một trong  hai thuộc tính thì sản  phẩm không thể trở  thành hàng hóa. |

|  |  |
| --- | --- |
| dùng để cho con người ăn; cho gia súc, gia cầm ăn; làm  nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  - Chính công dụng của sản phẩm đã làm cho hàng hóa  có giá trị sử dụng. Vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa là  gì?  - Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử  dụng. Ví dụ: Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ dùng làm chất  đốt, sau đó dùng làm nguyên liệu cho một số ngành công  nghiệp để chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác phục vụ  cho đời sống.  - Công dụng của vật phẩm do thuộc tính tự nhiên của  vật chất quyết định. Khoa học kỹ thuật càng phát triển,  người ta càng phát hiện thêm những thuộc tính mới của  sản phẩm và lợi dụng chúng để tạo ra những giá trị sử  dụng mới. Giá trị sử dụng chỉ thể hiện ở việc sử dụng  hay tiêu dùng, không phải cho người sản xuất ra hàng  hóa đó mà cho người mua, cho xã hội. Nó là nội dung  vật chất của của cải và là phạm trù vĩnh viễn. Vật mang  giá trị sử dụng cũng đồng thời là vật mang giá trị trao  đổi.  - Theo em, giá trị của hàng hóa được biểu hiện ra bên  ngoài thông qua hình thức nào?  - Giá trị trao đổi là gì?  - Ví dụ: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra  nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra  nó). Trên thị trường, tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có |  |
| thể thay đổi. VD: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản  xuất ra nó) = 10 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản  xuất ra nó) hoặc 2 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản  xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản  xuất ra nó).  Như vậy, nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi là gì?  - Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ  trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau  - Giá trị của hàng hóa là gì?  - Là căn cứ vào lao động hao phí để sản xuất ra hàng  hóa ẩn chứa (kết tinh) trong các hàng hóa ấy, hay căn cứ  vào giá trị của hàng hoá.  - Thực chất của quan hệ trao đổi là trao đổi lượng lao  động hao phí của mình chứa đựng trong các hàng hóa.  Nên giá trị là biểu hiện quan hệ giữa những người sản  xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền  sản xuất hàng hóa, là **thuộc tính xã hội** của hàng hóa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời,  HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng phương pháp đặt và giải  quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình,  gợi mở.  - Có phải khi sản xuất và trao đổi hàng  hóa xuất hiện thì tiền tệ cũng xuất hiện?  - Khi nào tiền tệ xuất hiện?  - Nhận xét, chốt lại.  - Bản chất của tiền tệ là gì ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực  hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi  một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ  sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV  chính xác hóa | **1. Tiền tệ**  **a. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ**  **\* Nguồn gốc:**  - Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá  trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao  đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị.  - Có 4 hình thái giá trị phát triển từ thấp  lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ:  + Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu  nhiên.  + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.  + Hình thái chung của giá trị.  + Hình thái tiền tệ  **\* Bản chất:** Tiền tệ là hàng hóa đặc  biệt được tách ra làm ra làm vật ngang  giá chung thống nhất, là sự tsự thể hiện  chung của giá trị và biểu hiện qua mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng  hóa |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho học sinh làm bài tập:

Câu 1. Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện ?

A. Hai điều kiện.

B. Bốn điều kiện.

C. Ba điều kiện.

D. Một điều kiện.

Câu 2. Hàng hóa có hai thuộc tính là :

A. giá trị và giá cả.

B. giá trị trao đổi và giá trị sử dụng.

C. giá cả và giá trị sử dụng.

D. giá trị và giá trị sử dụng.

Câu 3. Vật phẩm nào dưới đây **không phải** là hàng hóa ?

A. Điện.

B. Nước máy.

C. Không khí.

D. Rau trồng để bán.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

1. GV nêu yêu cầu :

**a.Tự liên hệ**

- Trong cuộc sống các em phải phân biệt được hàng hóa và đâu không phải là hàng hóa và vai trò của tiền tệ.

**b.Nhận diện xung quanh**

Nêu nhận xét của em về chất lượng hàng hóa ở địa phương em

**c.GV định hướng HS**

- Hằng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ…. đep. tôn trọng tiền lẻ…

- Hs làm bài tập bài tập 5 trong SGK

- Hs chủ động thực hiện những yêu cầu trên

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Chức năng của tiền tệ

- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường

- Biết phân biệt được thị trường ở dạng đơn giản và thị trường ở dạng hiện đại

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Học sinh quan sát tranh ảnh thị trường trao đổi hàng hóa Hỏi: Việc trao đổihàng hóa diển ra ở đâu?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS: trả lời theo gợi ý của gv.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu các chức năng của tiền tệ.**

**a) Mục tiêu:** học sinh nêu được các chức năng cơ bản của tiền tệ.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu VD thực tiễn phân tích 5  chức năng của tiền tệ: (sơ đồ)  →‌Thước đo giá trị  →‌Phương tiện lưu thông  →‌Phương tiện cất trữ  →‌Phương tiện thanh toán  →‌Tiền tệ thế giới.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Phát  biểu ý kiến, lấy dẫn chứng để phân  tích minh hoạ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV  gọi một số HS trả lời, HS khác nhận  xét, bổ sung. | **1. Tiền tệ**  **b. Chức năng của tiền tệ**  \* Thước đo giá trị  + Tiền được dùng để đo lường và biểu  hiện giá trị của HH.(giá cả).  + Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố:  giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu  HH  \* Phương tiện lưu thông  Theo công thức: H - T - H (tiền là môi giới  trao đổi)  Trong đó, H- T là quá trình bán, T- H là quá  trình mua.  VD: sgk.  \* Phương tiện cất trữ |
| **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV  chính xác hóa | Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi  cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho  của cải xã hội dưới hình thái giá trị  \* Phương tiện thanh toán  Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch,  mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp  thuế...) VD: sgk  \* Tiền tệ thế giới  Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ  nước này sang nước khác, việc trao đổi tiền  nước này với nước khác theo tỉ giá hối đoái.  VD: 1USD = 19.100đ VN (thời giá 2010)  **🡪** Năm chức năng của tiền tệ có quan hệ  mật thiết với nhau.  **c. Quy luật lưu thông tiền tệ**  (Không học) |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.**

**a) Mục tiêu:** học sinh nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** | **3. Thị trường**  **a. Thị trường là gì ?** |
| GV hướng dẫn học sinh đọc nội dung phần a.  GV đưa ra hệ thống câu hỏi  - Thị trường xuất hiện khi nào?  => Sự xuất hiện và phát triển của thị trường gắn  liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu  thông hàng hóa  - Hãy lấy ví dụ về thị trường ở dạng giản đơn  (hữu hình), sơ khai gắn với không gian, thời gian  nhất định.  => Ví dụ: mua bán rau quả, thịt cá ở nhóm chợ  đồng quê  => Thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình) như :  thị trường tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt…  - Nêu và phân tích một số dạng thị trường hiện  đại có tính chất môi giới, trung gian, vô hình : thị  trường nhà đất (thị trường bất động sản), thị  trường chất xám, thị trường sức lao động…  🡪 Dù là thị trường giản đơn hay hiện đại đều luôn  có sự tác động qua lại của các yếu tố cấu thành thị  trường như : hàng hóa, tiền tệ, người mua, người  bán, dẫn đến quan hệ cung - cầu, xác định giá cả  và số lượng hàng hóa được trao đổi mua bán.  - Thị trường là gì ?  - Các “chủ thể kinh tế”của thị trường bao gồm các  thành phần nào ? | Thị trường là lĩnh vực trao  đổi, mua bán mà ở đó các chủ  thể kinh tế tác động qua lại  lẫn nhau để xác định giá cả và  số lượng hàng hóa, dịch vụ.  **b. Các chức năng cơ bản**  **của thị trường**  - Chức năng thực hiện (hay  thừa nhận) giá trị sử dụng và  giá trị của hàng hóa  - Chức năng thông tin  - Chức năng điều tiết (kích  thích hoặc hạn chế sản xuất và  tiêu dùng).  => Hiểu và vận dụng được các  chức năng của thị trường sẽ  giúp cho người sản xuất và  tiêu dùng giành được lợi ích  kinh tế lớn nhất và Nhà nước  cần ban hành những chính  sách kinh tế phù hợp nhằm  hướng nền kinh tế vào những  mục tiêu xác định. |

|  |  |
| --- | --- |
| => Các chủ thể kinh tế của thị trường gồm: người  bán, người mua, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan,  nhà nước … tham gia vào mua bán, trao đổi trên  thị trường.  - Thị trường có các chức năng cơ bản nào ?  => Cần xem xét trên hai thuộc tính : giá trị và giá  trị sử dụng của hàng hóa. Nếu hàng hóa bán được  tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp với  nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực  hiện (người sản xuất ra hàng hóa được bù đắp giá  trị, có vốn để tái sản xuất), hàng hóa đó có ích cho  xã hội và ngược lại.  VD: Xí nghiệp của ông A sản xuất giấy bao bì tập  của học sinh. Sản phẩm của ông A bán rất chạy  với lý do: mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu, thị  hiếu khách hàng; giá cả vừa phải (1. 000đ/chục).  - Trên đài truyền hình , hàng ngày đều có bản tin  thị trường nói về giá cả của một số mặt hàng như:  rau quả, gạo, thịt, cá, giá vàng bạc, xe máy…  Khi đó, thị trường có chức năng gì ?  - Thị trường cung cấp cho các chủ thể tham gia  thị trường những thông tin về quy mô cung - cầu,  giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện  mua - bán... các hàng hóa, dịch vụ, từ đó giúp cho  người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu |  |
| nhiều lợi nhuận ; còn người mua sẽ điều chỉnh  việc mua sao cho có lợi nhất.  VD: Nhờ nắm bản tin thị trường vàng bạc, đá quý  mà khách hàng có thể quyết định mua vào cất trữ  hay bán ra ; mua, bán vào thời điểm nào là có lợi  nhất.  - Chức năng thứ 3 của thị trường là gì ?  - Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị  trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành  này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi  này sang nơi khác, nơi giá cả thấp đến nơi giá cả  cao.  + Ở một ngành nào đó khi cung nhỏ hơn cầu, giá  cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán  chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào  ngành ấy. Ngược lại, khi cung ở ngành đó vượt  quá cầu, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa  bán không chạy và có thể lỗ vốn, buộc người sản  xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển  sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao.  + Khi giá cả một hàng hóa nào đó tăng lên sẽ kích  thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn,  nhưng lại làm cho nhu cầu tiêu dùng về hàng hóa  đó bị hạn chế. Ngược lại, khi giá cả của một hàng  hóa giảm xuống sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế  việc sản xuất hàng hóa đó. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - Cơ chế thị trường ngoài tác dụng tích cực, vẫn  có những khuyết tật, hạn chế và tác động tiêu cực.  Vì thế, Nhà nước cần phải có sự điều tiết vĩ mô  (bằng pháp luật, chính sách…) để phát huy tác  dụng tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của nó,  thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội  công bằng, dân chủ, văn minh ; đảm bảo cho mọi  người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập :

- GV: Các nhân tố cơ bản của thị trường là:

a) Hàng hóa‌b) Tiền tệ

c) Người bán - người mua‌‌**d) Cả 3 ý trên**

- HS: Chọn phương án d.

- GV: Cho ví dụ về sự vận dụng chức năng của thị trường điều tiết, kích thích đối với người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng?

- HS:

+ Người sản xuất bánh Trung Thu:

. Giá cao 🡪 Sản xuất nhiều

. Giá thấp 🡪 Chuyển sang làm bánh bía

+ Người kinh doanh:

. Đưa gạo từ nông thôn về thành thị

. Đưa vải từ thành thị về nông thôn

+ Người tiêu dùng:

. Nếu giá thịt cao thì ăn cá,…

. Nếu giá thịt rẻ thì ăn thịt

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

**a.Tự liên hệ**

- Trong cuộc sống các em phải phân biệt được các loại thị trường.

**b. Nhận diện xung quanh**

Nêu nhận xét của em về thị trường hàng hóa ở địa phương em

**c. GV định hướng HS**

- Hằng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ…. đep. tôn trọng tiền lẻ…

- Hs làm bài tập bài tập 8,9 SGK trang 27.

- Hs chủ động thực hiện những yêu cầu trên

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG**

**HÓA (Tiết 1)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

Nêu được nội dung cơ bản của quy luật giá trị và tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.

- Tình huống Giáo dục công dân 11.

- Sách chuẩn kiến thức kĩ năng, giáo dục kĩ năng sống trong môn GDCD.

- Tranh, ảnh, sơ đồ, giấy khổ to.

- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).

- Sơ đồ ( thời gian lao động cá biệt và thời gian lao động xã hội cần thiết), biểu đồ, biểu bảng….

- Đồ dùng đơn giản để đóng vai…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho hs chơi trò chơi có thưởng.

- Hs xung phong tham gia.

- Gv nêu yêu cầu: gấp 5 con hạc giấy trong thời gian 2 phút. Nếu ai làm xong trong khoảng thời gian yêu cầu sẽ được 9 điểm, ai làm được nhiều hơn sẽ có thêm phần thưởng và ai làm không đạt yêu cầu sẽ bị phạt.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs tiến hành gấp con hạc, cho ra kết quả

- Gv nhận xét về kết quả của HS và đưa ra kết luận:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu nội dung của quy luật giá trị.**

**a) Mục tiêu:**

- Hs nêu được nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Rèn luyện NL nhận thức, NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa ra sơ đồ về 3 nhà sx:              Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị  trong sản xuất hàng hóa, đối với 1 hàng hóa: | **1. Nội dung của quy luật giá**  **trị**  - Nội dung khái quát: Sản xuất  và lưu thông hàng hóa phải dựa  trên cơ sở thời gian lao động xã  hội cần thiết để sản xuất ra  hàng hóa đó. |
| - Gv nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về kết quả  và hiệu quả kinh tế của 3 nhà sx trên?  - Hs suy nghĩ, trả lời.  - Gv kết luận: Nhà sx A có lãi, nhà sx C hòa  vốn, nhà sx B thua lỗ. Lợi ích kinh tế của 3 nhà  sx A,B,C được xác định do tác động của quy luật  giá trị. Vậy nội dung của quy luật giá trị là gì?  - Gv nêu nội dung của quy luật: Sản xuất và lưu  thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao  động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác  hóa |  |

**Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu yêu cầu của quy luật giá trị.**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Rèn luyện NL giao tiếp, NL giải quyết vấn đề cho hs.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu lại sơ đồ trong hoạt động 1 và lần lượt  nêu câu hỏi:  **+** Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người sx  hàng hóa?  **+** Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người lưu  thông hàng hóa?  - Với mỗi câu hỏi hs có 45s để suy nghĩ.  - HS phản hồi ý kiến( mỗi câu hỏi có 1- 2 hs nêu  ý kiến cá nhân)  - GV kết luận và giải thích bằng sơ đồ:  Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị  trong sản xuất hàng hóa, đối với tổng hàng hóa:            - Giải thích sơ đồ:  + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt <  tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm | - Biểu hiện nội dung của quy  luật giá trị trong sản xuất và  lưu thông hàng hóa:  + Trong sản xuất, quy luật giá  trị yêu cầu người sản xuất  phải đảm bảo sao cho thời  gian lao động cá biệt để sản  xuất hàng hóa phải phù hợp  với thời gian lao động xã hội  cần thiết.  + Trong lưu thông, việc trao  đổi hàng hóa phải dựa theo  nguyên tắc ngang giá.  - **Đối với 1 hàng hóa‌**, giá cả  của một hàng hóa có thể bán  cao hoặc thấp so với giá trị  của nó nhưng bao giờ cũng  phải xoay quanh trục giá trị  hàng hóa.  **- Đối với tổng hàng hóa trên**  **toàn xã hội‌**, quy luật giá trị  yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa |
| quy luật giá trị, dẫn đến thiếu hàng hóa trên thị  trường.  + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt  >tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm  quy luật giá trị, dẫn đến thừa hàng hóa trên thị  trường.  + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt =  tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, phù hợp  với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng  góp phần cân đối và ổn định thị trường.  - Sơ đồ biểu hiện nội dung quy luật giá trị trong  lưu thông hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:      🡪 Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.  - Trên thị trường, giá cả của từng hàng hóa có thể  cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa hình thành  trong sản xuất, do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung  - cầu.  - VD: Hàng hóa A có giá trị = 10 giờ lao động,  nhưng trên thị trường có thể bán = 11 giờ hoặc 9  giờ lao động. Chúng đều xoay quanh trục 10 giờ  lao động.  - Gv giảng thêm: Yêu cầu này là điều kiện đảm  bảo cho nền kinh tế hàng hóa vận động và phát  triển bình thường (hay cân đối). | sau khi bán phải bằng tổng giá  trị hàng hóa được tạo ra trong  quá trình sản xuất. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** - Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2- 3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| Học quy luật giá trị em tâm đắc nhất vấn  đề:…………………………………………‌  ……………………………………………..‌  vì………………………………………….. |

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 1,2 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm ( 4- 6 em).

- Hs làm bài tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.

- Gv chính xác hóa đáp án:

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu: 1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo quy luật giá trị chưa? Cho ví dụ minh họa?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện nội dung của quy luật giá trị.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ quy luật giá trị và nội dung của quy luật giá trị.

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**( Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được tác động của quy luật giá trị.

- Nêu một số ví dụ về sự vận động của quy luật giá trị khi vận dụng trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đưa ra ví dụ cụ thể về việc vận chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác và ngược lại. Vì sao lại có sự vận chuyển đó là do sự tác độngcủa quy luật nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ

GV kết luận: Tác động của quy luật giá trị.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Thảo luận nhóm tìm hiểu tác động của quy luật giá trị.**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu và phân tích được những tác động của quy luật giá trị trong sản xuất

và lưu thông hàng hóa.

- Rèn luyện NL đánh giá, giải quyết vấn đề, NL giao tiếp và hợp tác cho HS

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi  nhóm thảo luận về 1 tác động  Gv nêu câu hỏi định hướng cho thảo  luận nhóm  + Nhóm 1: Tác động điều tiết sx và  lưu thông được biểu hiện như thế  nào? Cho ví dụ?  + Nhóm 2: Tại sao quy luật giá trị có  tác động kích thích sự phát triển của  lực lượng sx và làm tăng năng suất  lao đông xh? Cho ví dụ? | **1. Tác động của quy luật giá trị**  **a.**  **Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng**  **hóa.**  Là sự phân phối lại các yếu tố TLSX và  sức lao động từ ngành sản xuất này sang  ngành sản xuất khác; phân phối lại nguồn  hàng từ nơi này sang nơi khác; mặt hàng  này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi  có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều  thông qua biến động của giá cả trên thị  trường dưới tác động của quy luật cung  cầu. |
| + Nhóm 3: Tác động phân hóa giàu  nghèo giữa những người sx của quy  luật giá trị được bểu hiện như thế  nào?  Nhóm 4: ( Đưa ra bài tập tình huống  - HS các nhóm thảo luận và cử đại  diện trình bày. Nhóm khác nghe và  nhận xét  - GV nhận xét và phân tích sâu hơn  bằng sơ đồ minh họa về những tác  động của quy luật giá trị (Bảng 1,  SGV, tr. 54).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS  thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi  một số HS trả lời, HS khác nhận xét,  bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV  chính xác hóa | **b. Kích thích lực lượng sản xuất phát**  **triển và năng suất lao động tăng lên**  Người sản xuất, kinh doanh muốn thu  nhiều lợi nhuận, phải tìm cách cải tiến kỹ  thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao  tay nghề của người lao động, hợp lý hóa  sản xuất, thực hành tiết kiệm…làm cho giá  trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị  xã hội của hàng hóa.  **c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những**  **người sản xuất hàng hóa**  - Những người có điều kiện sản xuất  thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang  bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá  biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần  thiết, nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều  kiện mua sắm thêm TLSX, đổi mới kỹ  thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.  - Những người không có điều kiện thuận  lợi, làm ăn kém cỏi, gặp rủi ro trong kinh  doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở  thành nghèo khó. |

**Hoạt động 2: Đàm thoại tìm hiểu vận dụng quy luật giá trị của Nhà nước và**

**công dân.**

**a) Mục tiêu:**

- Làm cho học sinh nhận thức được nội dung, biết vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Rèn luyện kĩ năng giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV lần lượt nêu câu hỏi:  + Ở nước ta trong thời kì bao cấp, quy luật gí trị  có được thừa nhận không? Tại sao?  + Thời kì đổi mới, nhà nước có những biện pháp  nào để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu  cực của quy luật giá trị?  + Nếu là nhà sản xuất, kinh doanh, em sẽ thực  hiện những giải pháp nào để có nhiều lãi?  - Với mỗi câu hỏi HS có 1 phút suy nghĩ.  - Hs phản hồi ý kiến ( mỗi câu hỏi có 2- 3 hs nêu  ý kiến cá nhân).  - Gv ghi ý kiến của hs lên bảng phụ.  - GV Nhận xét, chốt lại bằng sơ đồ Sách chuẩn  kiến thức kỹ năng lớp 11, trang 52,53.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ | **3. Vận dụng quy luật giá trị**  **a. Về phía Nhà nước**  - Xây dựng và phát triển mô  hình kinh tế thị trường định  hướng xã hội chủ nghĩa.  - Điều tiết thị trường nhằm  phát huy mặt tích cực và hạn  chế mặt tiêu cực.  **b. Về phía công dân (doanh**  **nghiệp và kinh tế gia đình)**  - Phấn đấu giảm chi phí, nâng  cao sức cạnh tranh, thu nhiều  lợi nhuận.  - Chuyển dịch cơ cấu sản  xuất, cơ cấu mặt hàng và  ngành hàng sao cho phù hợp  với nhu cầu. |
| **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | - Đổi mới kỹ thuật – công  nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải  tiến mẫu mã, nâng cao chất  lượng hàng hóa. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** - Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2- 3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| Học tác động quy luật giá trị em tâm đắc  nhấtvấnđề:…………………………………‌  …………………………………………..vì‌  ………………………………………….. |

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 8,9 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm ( 4- 6 em).

- Hs làm bài tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.

- Gv chính xác hóa đáp án:

Bài tập 8: Ở một số cửa hàng cụ thể

+ Mua hàng từ các nơi đầu mối về bán lẻ với giá cao hơn để thu lãi.

+ Vận chuyển hàng đến những nơi khan hiếm để bán chạy và với lãi cao hơn.

Bài tập 9: Chỉ ra cho hs một số làng nghề đã áp dụng máy móc hiện đại vào quá trình sản xuất như:

+ Làng sx lụa Vạn Phúc, Hà Đông.

+ Làng Hồng, Thiệu Đô làm nghề dệt nhiễu.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo tác động quy luật giá trị chưa?

- Nêu những việc làm được, những việc chưa làm được? Vì sao?

- Hãy nêu cách khắc phục những hạn chế trên?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện, vận dụng tác động của quy luật giá trị của các bạn trong lớp và của gia đình.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ và tích cực vận dụng quy luật giá trị vào cuộc sống.

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (1 tiết)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Nguyên

nhân dẫn đến cạnh tranh

- Hiểu được mục đích cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - Gv cho Hs xem và quan sát các bức tranh

- GV nêu câu hỏi:Em có nhận xét gì về mục đích của việc quảng các loại sữa trên?

- 2 đến 3 HS trả lời

- GV bổ sung, kết luận:

Vậy các em hiểu thế nào là cạnh tranh? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, mục đích

của cạnh tranh và tính hai mặt của cạnh tranh chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 4

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu khái niệm cạnh tranh.

**a) Mục tiêu:**

- HS nêu được cạnh tranh là gì? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- Rèn luyện năng lực tư duy quan sát, nhận định, phân tích

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* Cách tiến hành: GV cho HS quan sát các bức tranh  trên  - GV đặt câu hỏi: Theo các em cạnh tranh là gì?  - 2 đến 3 học sinh trả lời  - GV kết luận nội dung  **Gv hỏi tiếp:** Như vậy khái niệm cạnh tranh gồm  những nội dung cơ bản nào?  - Tính chất của cạnh tranh: là sự đấu tranh ganh đua  về kinh tế  - Các chủ thể tham gia cạnh tranh: Người bàn, người  mua, người sản xuất,người tiêu dùng  - Mục đích của cạnh tranh: thu nhiều lợi nhuận nhất.  **Gv chuyển ý:** Chúng ta vừa tìm hiểu khái niệm cạnh  tranh, vậy nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh?  Chúng ta tìm hiểu mục b.  **Gv:** Theo các em nguyên nhân nào dẫn đến cạnh  tranh?  **Học sinh trả lời:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm  vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả  lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | **1. Cạnh tranh và nguyên**  **nhân dẫn đến cạnh tranh:**  **a. Khái niệm cạnh tranh:**  - Cạnh tranh là sự ganh  đua, đấu tranh giữa các chủ  thể kinh tế trong sản xuất,  kinh doanh nhằm giành  được những điều kiện thuận  lợi nhất để thu được lợi  nhuận cao |

|  |  |
| --- | --- |
| **Gv:** kết luận nhấn mạnh các ý chính, sự tồn tại nhiều  chủ sở hữu. Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau  **Chuyển tiếp:** Vậy mục đích của cạnh tranh là gì? Để  đạt được mục đích những người tham gia cạnh tranh  thong qua những loại cạnh tranh nào? |  |

**Hoạt động 2:** Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nêu được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

- Rèn luyện năng lực tư duy phán đoán, giải quyết vấn đề cho học sinh

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv hỏi: Theo em, những người tham gia cạnh  tranh nhằm giành lấy những gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ | **b. Nguyên nhân dẫn đến**  **cạnh tranh:**  - Do sự tồn tại nhiều chủ sở  hữu với tư cách cách những  đơn vị kinh tế độc lập, tự do  sản xuất |
| **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV kết luận về  mục đích của cạnh tranh, các thể hiện của mục  đích cạnh tranh. | - Kinh doanh, có điều kiện  sản xuất và lợi ích khác nhau. |

**Hoạt động 3:** Sử dụng phương pháp đàm thoại, tìm hiểu mục đích cạnh tranh.

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh

- Rèn luyện năng lực phân biệt cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh từ đó ủng hộ cạnh tranh lạnh mạnh và phê phán cạnh tranh không lành mạnh

**b) Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm**  **vụ:**  **-** GV trình bày Trong sản xuất  và lưu thông hàng hóa, cạnh  tranh tích cực hay hạn chế?  Câu trả lời là: Cạnh tranh có  hai mặt: Mặt tích cực và mặt  hạn chế. Hãy tìm hiểu tính hai | **Mục đích cạnh tranh:**  Mục đích: Nhằm giành lợi ích về mình nhiều hơn  người khác.  - Mục đích của cạnh tranh thể hiện ở các mặt:  + Giành nguồn nguyên liệu và nguồn lực sản  xuất khác nhau.  + Giành ưu thế về khoa học và côngnghệ.  + Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và  các đơn đặt hàng. |
| mặt này của cạnh tranh tính hai  mặt của cạnh tranh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số HS trả lời, HS  khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV chính xác hóa | + Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa  và phương thức thanh toán… |

**Hoạt động 4‌**: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, tìm hiểu tính 2 mặt của cạnh tranh.

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh

- Rèn luyện năng lực phân biệt cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh từ đó ủng hộ cạnh tranh lạnh mạnh và phê phán cạnh tranh không lành mạnh

**b) Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **CÂU HỎI THẢO LUẬN** | **3. Tính hai mặt của cạnh**  **tranh:** |
| - Cách tiến hành:  + GV phát bút dạ, giấy A3, cho các nhóm làm việc  + GV phân nhóm và thời gian thảo luận  + Hết thời gian 5 phút đại diện các nhóm lên trình  bày  **Nhóm 1 và 2:** Tìm hiểu biểu hiện và cho ví dụ minh  họa về mặt tích cực của cạnh tranh.  **Nhóm 3 và 4:** Tìm hiểu các biểu hiện và cho ví dụ  minh họa về mặt tiêu cực của cạnh tranh.  Để phát huy mặt tích cực và giảm thiểu mặt tiêu cực  của cạnh tranh chúng ta cần phải làm gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm  vụ  Đại diện hai nhóm trình bày, các nhóm khác nhận  xét, bổ sung.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả  lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa  Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan của  sản xuất và lưu thông hàng hóa vừa tích cức vừa hạn  chế, nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội.  Mặt hạn chế sẽ được nhà nước điều tiết thông qua  giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế thích  hợp. | a‌**. Mặt tích cực của cạnh**  **tranh:**  **Biểu hiện:**  - Kích thích lực lượng sản  xuất, khoa học kỹ thuật  phát triển và năng suất xã  hội tăng lên.  - Khai thác tối đa mọi  nguồn lực khác của đất  nước vào phát triển kinhtế.  - Thúc đẩy tăng trưởng  kinh tế, nâng cao năng lực  cạnh tranh của nền kinh tế  trong hội nhập kinh tế  quốctế.  **b. Mặt hạn chế của cạnh**  **tranh:**  **Biểuhiện:**  - Làm cho môi trường sinh  thái bị mấtcânbằng.  - Xuất hiện những thủ đoạn  phi phápvàbấtlương.  - Đầu cơ tích trữ và gây rối  loạn thị trường tác động  xấu đến sản xuất và đời  sóng nhân dân. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm bài tập 4,5,6

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu HS tự liên hệ trong cuộc sống hàng ngày khi tham gia vào các quan hệ trong đời sống

- Chúng ta nên thực hiện và ủng hộ cạnh tranh lành mạnh, phê phán cạnh tranh

không lành mạnh.

- Nêu một số doanh nghiệp làm ăn phát đạt, thực hiện đúng pháp luật …

- Nêu một số doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến cản trở sự phát

triển.

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 5: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (1 tiết)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được khái niệm cung, cầu.

- Hiểu được mối quan hệ cung – cầu, vai trò của quan hệ cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Nêu được sự vận dụng quan hệ cung – cầu.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Kích thích học sinh tìm hiểu quy luật cung – cầu.

- Rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Học sinh xem phim về khu vui chơi VINPERL

- Đàm thoại để học sinh thấy được nhu cầu của con người và nguồn cung đáp ứng nhu cầu của con người, cụ thể ở đây là nhu cầu vui chơi, giải trí, du lịch khám phá…

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

- Cung – cầu là một trong những quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa.

- Tất cả chúng ta đều chịu sự tác động của quy luật này trong sinh hoạt hàng ngày.

Vậy chúng ta hiểu cụ thể quy luật này như thế nào để có thể vận dụng cho cá nhân mình?

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết

trình, gợi mở để tìm hiểu khái niệm cầu.

**a) Mục tiêu:** Hs nhận biết được khái niệm cầu

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV‌**: Đặt vấn đề  Trong nền sản xuất hàng hóa mục đích của  sản xuất là để tiêu dùng, để bán . Trong đó sản  xuất gắn với cung và tiêu dùng gắn với cầu.  **GV:** ghi lên bảng một số nhu cầu về các loại  hàng hóa:nhà,ô tô,máy vi tính,cặp sách,mũ,đĩa  nhạc,giày dép,bút,… | **1. Khái niệm cung- cầu:**  **a. Khái niệm cầu:**  Cầu là khối lượng hàng hóa dịch  vụ mà người tiêu dùng cần mua  trong một thời kỳ nhất định tương  ứng với giá cả và thu nhập xác  định  **\* Yếu tố ảnh hưởng đến cầu** |
| **GV:‌**hỏi HS trong số những hàng hóa trên các  em có nhu cầu nào?  **HS:** Trả lời  **GV:‌**các em có thể thanh toán cho những nhu  cầu nào?  - Theo em có mấy lọai nhu cầu và có phải bất  kì nhu cầu nào cũng được nhà sản xuất quan  tâm?  - Vậy qua ví dụ và phân tích trên em hãy cho  biết cầu là gì?  **\* Gv chốt lại:**  - GV: Vậy số lượng cầu phụ thuộc vào những  yếu tố nào?  Ví dụ: Người nông dân có nhu cầu mua máy  tuốt lúa → Phù hợp với thu nhập của mình  Ví dụ: Các lọai điện thọai di động trên 10  triệu… ít người sử dụng vì giá cao → Phụ  thuộc vào giá cả  Ví dụ: Vào mùa trung thu nhà nào cũng có nhu  cầu mua bánh trung thu → Phụ thuộc vào thị  hiếu của người tiêu dùng  ………………………→  Ví dụ: Vào mùa hè nhiều cá nhân, gia đình đi  du lịch, do thời tiết, do hs được nghỉ hè.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ | Thu nhập, giá cả, thị hiếu, tâm  lý….., trong đó thu nhập và giá  cả là những yếu tố chủ yếu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số  HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác  hóa |  |

**Hoạt động 2:** Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết

trình, gợi mở để tìm hiểu khái niệm cung.

**a) Mục tiêu:** Hs hiểu được khái niệm cung.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Gv hỏi**  - Người tiêu dùng có tiền thì sẽ tìm nhu cầu về  những mặt hàng hóa ở đâu?  **- GV:** Hàng hóa được thị trường cung cấp được  gọi là cung. Vậy cung là gì?  **- GV** hỏi:vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến số  lượng cung?và cho vd  **HS:‌**trả lời  **\* GV**  **chốt lại:**  **\* Những yếu tố ảnh hưởng đến cung:**  - Khả năng sản xuất. | **b. Khái niệm cung:**  Cung là khối lượng hàng hóa,  dịch vụ hiện có trên thị trường  và chuẩn bị đưa ra thị trường  trong một thời kì nhất định,  tương ứng mức giá cả, khả  năng sản xuất và chi phí sản  xuất xác định. |
| - Số lượng.  - Chi phí sản xuất.  - Chất lượng.  - Năng suất.  - Giá cả - Quan trọng nhất.  - Phong tục, tập quán .  Vd1: Giá thịt gà tăng cao thì có nhiều nhà chăn  nuôi, mở rộng trang trại.  Vd2:đạo Hồi kiêng ăn thịt heo nên hạt nêm Knor  được làm từ xương hầm thịt heo nguyên chất  không thể bán được ở các nước theo đạo Hồi.Đạo  Hinđu không ăn thịt bò…  - Vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến cung và  trong các yếu tố đó yếu tố nào là quan trọng nhất?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**Hoạt động 3:** Sử dụng phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề, gợi mở để làm rõ mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

**a) Mục tiêu:** Ở phần trên chúng ta đã tìm hiểu và biết được thế nào là cung, cầu hàng hoá nhưng chúng có quan hệ như thế nào với nhau và vai trò của chúng đối với sản xuất và lưu thông hàng hoá là như thế nào thì chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần 2

**b) Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV‌**: nếu một nhà sx làm ra nhiều hàng hóa  mà không quan tâm đến nhu cầu của người  tiêu dùng thì sẽ ntn?  **HS:‌**Trả lời  **GV:** Nhận xét và đặt tiếp câu hỏi:  Vậy ngược lại người tiêu dùng có quan tâm  đến tình hình của nhà sx hay không?  **HS:‌**Trả lời  **GV:‌**nhận xét và bổ sung  - Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá trên  thị trường cung và cầu thường xuyên tác  động với nhau và là hai bộ phận cấu thành  mối quan hệ cung - cầu.  - Mối quan hệ này thường xuyên tiếp diễn  trên thị trường, tồn tại và hoạt động một  cách khách quan độc lập với ý của con  người  **- GV:‌**Vậy nội dung của mối quan hệ cung-  cầu là gì?  **- HS:‌**trả lời  **- GV chốt lại:** | **Nội dung:** Mối quan hệ cung - cầu  là mối quan hệ tác động qua lại lẫn  nhau giữa người bán với người mua  hay giữa những người sản xuất với  những người tiêu dùng diễn ra trên  thị trường để xác định giá cả và số  lượng hàng hoá, dịch vụ.  **Ba biểu hiện của nội dung quan**  **hệ cung - cầu:**  \* **Cung - cầu tác động lẫn nhau:**  - Cầu tăng => sản xuất mở rộng =>  cung tăng.  - Cầu giảm => sản xuất thu hẹp =>  cung giảm.  **\* Cung - cầu ảnh hưởng đến giá**  **cả thị trường:**  - Cung = Cầu 🡪 giá cả = giá trị.  - Cung > Cầu 🡪 giá cả < giá trị .  - Cung < Cầu 🡪 giá cả > giá trị.  \* Giá cả thị trường ảnh hưởng đến  cung - cầu: |
| **- GV:‌**vậy nội dung mối quan hệ cung- cầu  có những biểu hiện nào chúng ta cùng tiếp  tục tìm hiểu.  **- GV:** Sau khi phân tích như vậy thì em nào  hãy lấy ví dụ về sự tác động lẫn nhau giữa  cung và cầu?  **- HS:‌**cho vd  **- GV:‌**nhận xét và cho thêm vd  **- Vd1:‌**vào mùa trung thu nhu cầu bánh  trung thu tăng cao=>nhà sx bánh trung thu  (Kinh Đô,Đồng Khánh,Như Lan…)sx ra  nhiều.Qua mùa trung thu nhu cầu giảm  =>các hãng thu hẹp sx hoặc không sx nữa  thay thế bằng các loại bánh khác.  **- Vd2:‌**khi luật pháp quy định bắt buộc đội  mũ bảo hiểm khi đi xe máy nếu không sẽ bị  xử lý nghiêm,triệt để.Nhu cầu mũ bảo hiểm  tăng(cầu tăng)=>cung tăng (các nhà sx sản  xuất ra nhiều mũ bảo hiểm,nhiều cơ sở sx  mũ bảo hiểm cũng ra đời)  Thay vào đó là ta thấy mũ vải mất chỗ  đứng,nhu cầu giảm rõ rệt=>các nhà sx thu  hẹp sx hoặc chuyển sang sx mặt hàng khác.  **- GV:** Theo em cung và cầu có ảnh hưởng  đến giá cả trên thị trường hay không? Em  hãy lấy ví dụ minh hoạ cho trường hợp này. | - **về phía cung:‌**Khi giá cả tăng =>  cung tăng và ngược lại.  - **về phía cầu:‌**Khi giá cả giảm =>  cầu tăng và ngược lại  **b. Vai trò của quan hệ cung - cầu:**  **(Không học)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **- HS‌**:trả lời ý kiến cá nhân.  **- GV‌**:nhận xét và cho thêm vd  **- Vd1:‌**qua mùa trung thu nhu cầu về bánh  trung thu giảm=>giá bán bánh trung thu  giảm đột ngột.  **- Vd2‌**:trái cây trái mùa(cung<cầu)giá cao  **- Vd3‌**:tết nhu cầu bánh kẹo tăng=>giá bánh  kẹo thường cao hơn.  **- GV‌**: Qua ví dụ em nào hãy cho cô biết giá  cả ảnh hưởng như thế nào đối với cung -  cầu ?  **- HS:‌**cho vd  **- GV‌**:nhận xét và cho thêm vd  **- Vd1:‌**khi giá cà phê giảm=>thu hẹp  sx,nhiều gđ còn chặt cây cà phê để trồng  loại cây khác.  **- Vd2:‌**khi giá gạo,cà phê tăng người dân lại  sx, trồng nhiều.  **- Vd3:‌**khi có đợt giảm giá ,khuyến mãi  người tiêu dùng đổ xô đi mua hàng  **- Vd4:‌**giá xăng tăng thì người tiêu dùng  giảm nhu cầu đi lại hoặc chọn phương tiện  đi lại công cộng như xe buýt rẻ hơn..  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực  hiện nhiệm vụ |  |
| **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một  số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính  xác hóa |  |

**Hoạt động 4‌**: Đàm thoại để học sinh hiểu **vận dụng quan hệ cung - cầu trong thực tiễn.**

**a. Mục tiêu:**

**-** Hs hiểu được việc vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của người sản xuất kinh doanh và của người tiêu dùng.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Thực hiện nhiệm vụ:**  GV sử dụng phương pháp đàm thoại, yêu  cầu học sinh suy nghĩ và cho biết việc vận  dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của  người sản xuất kinh doanh và của người tiêu  dùng. | **3. Vận dụng quan hệ cung - cầu:**  + **Đối với nhà nước: Thông qua**  **việc điều tiết cung - cầu trên thị**  **trường‌**.  - Khi cung < cầu do khách quan  điều tiết bằng cách sử dụng lực  lượng dự trữ giảm giá để tăng cung.  - Khi cung < cầu do tự phát, đầu  cơ, tích trữ, điều tiết bằng cách: xử |
| **GV‌**: Lấy một vài ví dụ cho HS  **Ví dụ** : Các em thấy trên thị trường có lúc  điện, vàng, xi măng, sắt thép, gạo,... cung  nhỏ hơn cầu, Nhà nước có thể mua của  nước ngoài các loại hàng hoá trên và bán ra  thị trường nhằm lập lại sự cân đối giữa cung  - cầu ổn định giá cả.  **Ví dụ** : Để ổn định đời sống của nhân dân,  phục vụ nhu cầu đi lại trước giá dầu thô liên  tục tăng như Nhà nước ta vẫn phải thường  xuyên bù giá, trợ cấp cho các chủ doanh  nghiệp kinh doanh xăng dầu để họ có thể  bán xăng ở giá có thể chấp nhận được  **Ví dụ‌**: Vào mùa hè nhu cầu sử dụng điện  làm mát rất lớn vì thế sẽ gây ra tình trạng  thiếu điện. Vì vậy các nhà sản xuất chuyển  sang kinh doanh các loại bóng điện quạt tiêu  tốn ít điện năng để đáp ứng nhu cầu của  người dân vào mùa hè.  **Ví dụ** : khi gà bị cúm thì nhu cầu về thịt gà  giảm=>giá rẻ=>người chăn nuôi thu hẹp  quy mô sx. | lý vi phạm pháp luật, sử dụng lưc  lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.  - Khi cung > cầu quá nhiều, có biện  pháp kích cầu ( tăng đầu tư, tăng  lương…)  **+ Đối với người sản xuất kinh**  **doanh: Nắm vững các trường hợp**  **cung - cầu để ra quyết định**  - Thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi  cung > cầu, giá cả < giá trị có thể bị  thua lỗ.  - Khi cung < cầu, giá cả > giá trị thì  chuyển sang sản xuất kinh doanh.  **+ Đối với người tiêu dùng: Nắm**  **vững các trường hợp cung - cầu**  **để ra quyết định mua hay không**  **mua.**  - Giảm mua các mặt hàng khi cung  < cầu và giá cả cao.  - Chuyển sang mua các mặt hàng  khi cung > cầu và giá cả thấp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ví dụ** : Sau đợt dịch tai xanh ở heo vừa qua  khiến thịt heo rất khan hiếm vì thế mà thịt  heo trên thị trường giá rất cao từ 65000 đến  75000 ngàn 1 ký, giá cả đắt khiến người dân  chuyển sang mua cá, tôm, gà, đậu hũ…  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực  hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một  số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính  xác hóa |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập :

**1. Nhận biết** :

**a, Câu hỏi trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Điền vào chỗ trống nội dung phù hợp:

**Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong**

**một thời kì tương ứng với giá cả và .**  **. . . . . . . . . . . . xác định.**

a.Khả năng

b.Thu nhập

c.Tiêu dùng

**Câu 2:** Mối quan hệ giữa số lượng cung với mức giá cả vận động theo:

a.Tỉ lệ nghịch

b.Tỉ lệ thuận

c.Bằng nhau

**Câu 3:** Quan hệ cung cầu mang tính:

a.Tồn tại và hoạt động khách quan

b.Độc lập với ý chí con người

c.Diễn ra thường xuyên trên thị trường

d.Các kiến trên đều đúng

**Đáp án: 1. b**

**2. a**

**3. d**

b. Tự luận : Cầu là gì ? Cung là gì ? Tại sao người bán và người mua lại quan tâm đến nhu cầu có khả năng thanh toán ?

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

- Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và

chi phí sản xuất xác định.

…………………………

**1. Vận dụng cao** : Khi nước ta là thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới

WTO, theo em mối quan hệ cung cầu hàng hóa và việc làm sẽ diễn ra như thế nào ?

A. Thuận lợi.

B. Khó khăn.

C. Vừa thuận lợi vừa khó khăn.

Tại sao em chọn phương án đó ?

Phương án C, vì khi nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO thì hàng hóa sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn nhưng sự cạnh tranh lại khốc liệt hơn.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

**a.Tự liên hệ**

Trong cuộc sống, khi là người tiêu dùng, các em cần biết lúc nào nên mua hàng hóa tiêu dùng…

**b.Nhận diện xung quanh**

Thực trạng vào lúc thu hoạch chính vụ ngô, lúa…

**c.GV định hướng HS**

Khi cá nhân em hoặc gia đình em kinh doanh… ?

Khi em là người mua….. ?

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**KIỂM TRA VIẾT 1 TIẾT**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA:**

- Hiểu được thế nào là sản xuất của cải vật chất? Vai trò của sản xuất của cải vật chất.

- Hiểu được khái niệm hàng hóa và các thuộc tính của hàng hóa.

- Nêu được khái niệm cạnh tranh. Trình bày mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:Tự luận.**

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**    **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Tổng** |
| **Cấp độ**  **thấp** | **Cấp độ cao** | |  |
| 1.Công dân  với sự phát  triển kinh tế. | Hiểu được  thế nào là sản  xuất của cải  vật chất | Vai trò của sản  xuất của cải vật  chất. | |  |  | |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **1/2**  **1.0**  **10%** | **1/2**  **1. 0**  **20%** | |  |  | | **1**  **3. 0**  **30%** |
| 1. Hàng hóa-  Tiền tệ - Thị  trường. | Hiểu được  khái niệm  hàng hóa | Các thuộc tính  của hàng hóa | |  |  | |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **1/2**  **1.0**  **10%** | **1/2**  **1. 0**  **20%** | |  |  | | **1**  **3. 0**  **30%** |
| 3. Cạnh tranh  trong sản  xuất và lưu  thông hàng  hóa. | Nêu được  khái niệm  cạnh tranh | Trình bày mặt  tích cực và hạn  chế của cạnh  tranh. | |  |  | |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **1/2**  **1.0**  **10%** | | **1/2**  **3. 0**  **30%** | |  |  | **1**  **4. 0**  **40%** |
| **Tống số câu**  **Tổng số**  **điểm**  **Tỉ lệ** | **1/2 + 1/2+**  **1/2**  **3. 0**  **30%** | | **1/2+ 1/2 + 1/2**  **7.0**  **70%** | |  |  | **3**  **10.0**  **100%** |

**IV. ĐỀ KIỂM TRA**

**Câu 1** (3,0 điểm): Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Vai trò của sản xuất của cải

vật chất?

**Câu 2** (3,0 điểm): Hàng hóa là gì? Phân tích 2 thuộc tính của hàng hóa?

**Câu 3‌**(4,0 điểm): Cạnh tranh là gì? Trình bày mặt tích cực và hạn chế của cạnh

tranh?

**V. ĐÁP ÁN, THANG ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Tiêu chí** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu**  **1** | 1 | **\* Khái niệm sản xuất của cải vật chất** | 1,0 |
|  |  | Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các  yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với  nhu cầu của mình. |  |
| 2 | **\* Vai trò của sản xuất của cải vật chất**  - Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người.  - Quyết định mọi hoạt động của xã hội.  - Lấy ví dụ minh họa | 1. 0 |
| **Tổng điểm‌3,0** | | | |
| **Câu**  **2:** | 1 | **\* KN‌**: Là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn một  nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua -  bán. | 1.0 |
| 2 | **\* Hai thuộc tính của hàng hóa**  - Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản  phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó con người.  - Giá trị của hàng hóa:  + Được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi  của nó.  + Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết  tinh trong hàng hóa. | 1. 0 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | => Hàng hóa là sự thống nhất của hai thộc tính: giá trị sử  dụng và giá trị, nhưng là sự thống nhất của hai mặt đối  lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không  thể trở thành hàng hóa. |  | |
| **Tổng điểm‌3,0** | | | | |
| **Câu**  **3** | 1 | **Khái niệm cạnh tranh**  Là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong  sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều  kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận. | 1.0 | |
|  | 2 | **Mặt tích cực**  - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học - kỹ thuật  phát triển, năng suất lao động tăng lên.  - Khai thác tối đa mọi nguồn lực.  - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội  nhập kinh tế quốc tế.  **Mặt hạn chế của cạnh tranh**  - Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm  trọng.  - Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương.  - Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường. | 1.5            1.5 | |
|  | |  |  |  |
| **Tổng điểm 4,0** | | | | |
| **Tổng câu:‌3**  **Tổng điểm:‌10,0** | | | | |

**....HẾT........**

**BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (Tiết 1)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Học sinh nắm được khái niệm và tính tất yếu của CNH- HĐH.

- Học sinh nắm được tác dụng to lớn của CNH- HĐH ở nước ta.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Khích thích HS tìm hiểu về quá trình CNH- HĐH

- Rèn luyện kĩ năng so sánh, phân biệt CNH – HĐH.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV định hướng cho HS một số hình ảnh, HS quan sát và xác định hoạt động nào là CNH và hoạt động nào là HĐH

Hình 1 Hình 2

- GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về hai hình ảnh trên

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Từ hình ảnh các em đã được quan sát và thực tế trong đời sống hàng ngày hôm nay các em sẽ tìm hiểu thế nào là CNH – HĐH đất nước? Và tính tất yếu khách quan

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Thảo luận tìm hiểu khái niệm CNH – HĐH đất nước.

**a) Mục tiêu:**

HS nêu được thế nào là CNH – HĐH đất nước

- HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta

- HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH

- Rèn luyện kĩ năng so sánh, phân biệt CNH – HĐH.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách tiến hành:  - GV cho HS xem đoạn phóng sự về quá trình  CNH – HĐH và quan sát các hình ảnh trên  máy chiếu  Sử dụng sức trâu bò Sử dụng máy móc    Quá trình tự động hóa  - GV hỏi HS: Hãy phân biết nhận xét gì về  đoạn phóng sự trên?  - Qua các hình ảnh trên hãy chỉ ra đâu là  CNH, HĐH? | **1. KN CNH- HĐH, tính tất yếu**  **khách quan và tác dụng của**  **CNH- HĐH đất nước.**  **a. Khái niệm CNH- HĐH.**  **CNH‌**: là chuyển từ hoạt động sản  xuất thủ công là chính sang sử  dụng phổ biến SLĐ dựa trên sự  phát triển của CN cơ khí.  **HĐH:** là quá trình ứng dụng và  trang bị những thành tựu KHCN  vào quá trình SXKD và quản lí  KTXH.  - Khái niệm CNH- HĐH là  Qua trình chuyển đổi căn bản  toàn diện các hoạt động KT và  quản lí KT – XH từ sử dụng sức  LĐ thủ công là chính sang sử  dụng một cách phổ biên sức LĐ  cùng với công nghệ, phương tiện,  phương pháp tiên tiến, hiện đại  nhằm tạo ra năng xuất LĐ xã hội  cao. |
| - HS thảo luận về phóng sự trên và hình ảnh  mà GV đã nêu trên  - GV nêu câu hỏi tiếp theo để thảo luận:  Thế nào là CNH, HĐH ? CNH – HĐH là gì?  - GV định hướng cho học sinh:  + Đoạn phóng sự trên là quá trình mà người  dân từ chổ đã sử dụng sức trâu bò nay đã sử  dụng máy móc và đặc biệt là người máy làm  việc…  + Mục đích của việc này là để đưa năng xuất  lao động tăng cao  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số  HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác  hóa |  |

**Hoạt động 2:** GV sử dựng phương pháp trực quan, diễn giảng , nêu và giải quyết vấn đề tìm hiểu tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**a) Mục tiêu:**

- HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta

- HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH

- Rèn luyện kĩ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu tính tất yếu khách quan của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho học sinh đọc một số thông tin về sự phát  triển KT của các nước  Ví dụ nền kinh tế nhật bản  Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng nhanh hơn dự kiến  09- 06- 2017 08:07  Kinhtedothi - Theo Bloomberg, số liệu được Văn  phòng Nội các Nhật Bản công bố hôm nay (8/6)  cho thấy, nền kinh tế Nhật Bản trong quý I đã tăng  trưởng 3,9%, cao hơn nhiều so với dự báo 2,4%  đưa ra trước đó.  Nhu cầu đầu tư của DN và chi tiêu của người dân  tăng đã trở thành động lực cho nền kinh tế lớn thứ  3 thế giới. Đặc biệt, việc đồng Yên liên tục giảm  giá trong thời gian qua nhưng lại giúp hàng hóa  Nhật tăng sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu  trên thế giới… | **b. Tính tất yếu khách quan**  **và tác dụng của CNH- HĐH**  **đất nước.**    **- Tính tất yếu khách quan**  **của CNH- HĐH**  + Do yêu cầu phải xây dựng  CSVC, KT của CNXH.  + Do yêu cầu phải rút ngắn  khoảng cách tụt hậu xa về  kinh tế kĩ thuật giữa nước ta  với các nước  + Do yêu cầu phải tạo ra  NSLĐ XH cao đảm bảo cho  sự tồn tại và phát triển của chủ  nghĩa xã hội.  **- Tác dụng của CNH- HĐH.**  + Tạo tiền đề thúc đẩy tăng  trưởng và phát triển KTXH |
| - GV cho HS tìm hiểu thêm về nền kinh tế các  nước tiên tiến..  - HS so sánh nhận xét về nền KT một số nước  - GV đặt câu hỏi vậy tại sao nước ta phải tiến  hành CNH – HĐH  - GV hỏi tiếp vậy tác dụng của CNH – HĐ  - GV kết luật nội dung về tính tất yếu khách quan  và tác dụng của CNH – HĐH đất nước  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | + Củng cố QHSX XHCN,  tăng cường vai trò của Nhà  nước  + Tạo tiền đề phát triển nền  văn hoá tiên tiến đậm đà bản  sắc dân tộc.  + Xây dựng kinh tế tự chủ và  chủ động HNQT, tăng cường  tiềm lực ANQP. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về khái niệm, tác dụng của CNH – HĐH đất nước.

- Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đè cho hs.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 1, SGK Trang 55

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống

- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học

- Những tiền đề để tiến hành CNH- HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

+ Nguồn nhân lực

+ Tiềm lực khoa học kĩ thuật

+ Quan hệ kinh tế đất nước

+ Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

**(Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Học sinh nắm được nội dung cơ bản của CNH- HĐH ở nước ta.

- Học sinh nắm được trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH- HĐH

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Khích thích HS tìm hiểu về nội dung của CNH- HĐH.

- Rèn luyện kĩ năng tư duy CNH – HĐH.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

GV sử dụng phương pháp thuyết trình để vào bài.

Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu xong khái niệm, tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuần này, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta và trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua mục 2, 3 của bài 6

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp trực quan tìm hiểu khái niệm CNH – HĐH đất nước.

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được nội dung của CNH – HĐH đất nước

- Rèn luyện kĩ năng tư duy để tìm hiểu nội dung của sự nghiệp CNH – HĐH đất

nước

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGV, tr.  84:  - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội  dung cơ bản gì?  - Cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGV, tr. 84:              - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội  dung cơ bản gì?  - Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất được thể hiện  thông qua những việc làm nào?  - Nhận xét, chốt lại.  - Lần lượt cho học sinh xem các sơ đồ sau: | 1. Nội dung cơ bản  của công nghiệp hóa,  hiện đại hóa ở nước ta  a. Phát triển mạnh mẽ  lực lượng sản xuất  - Thực hiện cơ khí hóa  nền sản xuất xã hội.  - Áp dụng những thành  tựu khoa học và công  nghệ hiện đại vào các  ngành kinh tế.  - Nâng cao chất lượng  nguồn nhân lực.  b. Xây dựng một cơ cấu  kinh tế hợp lý, hiện đại  và hiệu quả  - Chuyển dịch, phát  triển từ cơ cấu kinh tế  nông nghiệp lên cơ cấu |
| + Sơ đồ 1: Cơ cấu kinh tế:            + Sơ đồ 2: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế:        + Sơ đồ 3: Tỷ trọng phát triển cơ cấu ngành kinh tế  trong GDP:          + Sơ đồ 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong  tổng lao động xã hội:          - Thế nào là cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tiến bộ ?  - Ví dụ: Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng ở nước ta đã  và đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện  đại hóa: | kinh tế công, nông  nghiệp và dịch vụ hiện  đại.  - Chuyển dịch cơ cấu  lao động theo hướng  công nghiệp hóa, hiện  đại hóa gắn với phát  triển kinh tế tri thức.  c. Củng cố và tăng  cường địa vị chủ đạo  của quan hệ sản xuất xã  hội chủ nghĩa và tiến tới  xác lập địa vị thống trị  của quan hệ sản xuất xã  hội chủ nghĩa trong  toàn bộ nền kinh tế  quốc dân  (Không học). |

|  |  |
| --- | --- |
| + Năm **2005‌**:  . Cơ cấu ngành: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong  GDP là **41%‌**. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản là  20.9%. Tỷ trọng dịch vụ là **38.1%.**  . Cơ cấu lao động: tỷ trọng lao động của ngành công  nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội:  17.9%. Lao động trong các ngành dịch vụ: 25.3%. Lao  động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản:  56.8%.  + Dự báo năm 2010, cơ cấu ngành trong GDP (tổng sản  phẩm trong nước) sẽ là: nông nghiệp 15- 16%; công  nghiệp và xây dựng **43- 44%‌**; dịch vụ **40- 41**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời,  HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa |  |

**Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải, phân tích trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**

**a) Mục tiêu:**

- HS trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH – HĐH ở nước ta.

- Rèn luyện kĩ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu trách nhiệm của công dân

đối với sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu mục 3  - GV nêu câu hỏi  - Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự  nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?  - Nhận xét, chốt lại nội dung bài học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | **3. Trách nhiệm của công**  **dân đối với sự nghiệp công**  **nghiệp hóa, hiện đại hóa đất**  **nước**  - Nhận thức đúng đắn về tính  tất yếu khách quan và tác  dụng to lớn của công nghiệp  hóa, hiện đại hóa.  - Lựa chọn ngành, mặt hàng  có khả năng cạnh tranh cao,  phù hợp với nhu cầu của thị  trường.  - Ứng dụng thành tựu khoa  học và công nghệ hiện đại vào  sản xuất.  - Học tập, nâng cao trình độ  văn hóa, khoa học - công  nghệ hiện đại. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK Trang 55

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống

- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học

- Những tiền đề để tiến hành CNH- HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

+ Nguồn nhân lực

+ Tiềm lực khoa học kĩ thuật

+ Quan hệ kinh tế đất nước

+ Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**Bài 7: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN**

**VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (Tiết 1)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Nêu được thế nào là thành phần kinh tế.

- Nêu được sự cần thiết khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

- Biết được đặc điểm cơ bản của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.

- Hiểu được vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của GV**

\* Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGVGiáo dục công dân 11.Chuẩn kiến thức,kĩ năng môn GDCD

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

\* Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ ( Sơ đồ về các thành phần kinh tế ), biểu bảng,…

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Sách giáo khoa GDCD lớp 11

- Sách bài tập GDCD 11

- Sơ đồ, biểu đồ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung gì?

- Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Sau hơn 20 năm đổi mới (1986 đến nay), nước ta đã có một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Tình hình cung – cầu hàng hóa hiện nay nhiều, phong phú và đời sống nhân dân cao hơn so với thời kỳ trước năm 1986. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó? Phải chăng do nước ta đã chuyển đổi mô hình kinh tế cũ sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy nền kinh tế nhiều thành phần làm cơ sở kinh tế.

Vậy, thành phần kinh tế là gì? Tại sao trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại phải thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?... Để trả lời cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 7: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước (2 tiết).

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1:** Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Cho ví dụ về một thành phần kinh  tế như kinh tế hộ gia đình và hỏi  thành phần kinh tế là gì?  - Tại sao nói sự tồn tại nền kinh tế  nhiều thành phần ở nước ta là một tất  yếu khách quan?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS  thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi  một số HS trả lời, HS khác nhận xét,  bổ sung. | **1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành**  **phần**  **a) Khái niệm thành phần kinh tế và tính**  **tất yếu khách quan của nền kinh tế**  **nhiều thành phần**  - Khái niệm thành phần kinh tế :  Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế  dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về  tư liệu sản xuất.  - Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại  nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở  nước ta :  + Do trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa  xã hội, nước ta vẫn tồn tại một số thành |
| **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV  chính xác hóa | phần kinh tế của xã hội trước đây; đồng  thời xuất hiện thêm những thành phần kinh  tế của chế độ xã hội chủ nghĩa.  + Vì ở nước ta, lực lượng sản xuất phát  triển còn thấp và ở nhiều trình độ khác  nhau nên có nhiều hình thức sở hữu về tư  liệu sản xuất. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng phương pháp thuyết  trình, hỏi – đáp, trực quan, sơ đồ.  - Hình thức tổ chức dạy học:Học theo  lớp, học cá nhân. | **b. Các thành phần kinh tế ở nước ta**  \* Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế  như thế nào ?  - Nội dung của kinh tế nhà nước : bao  gồm các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ  dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm nhà  nước, các tài sản thuộc sở hữu nhà nước  có thể đưa vào sản xuất kinh doanh, gồm  cả những phần vốn của nhà nước đóng  góp vào các doanh nghiệp của các thành  phần kinh tế khác. Nội dung của nó mạnh |
| \* Kinh tế nhà nước là thành phần kinh  tế như thế nào ?  \* Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế  như thế nào ?  \* Kinh tế tư nhân là gì ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS  thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi  một số HS trả lời, HS khác nhận xét,  bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV  chính xác hóa | hơn, rộng hơn bộ phận doanh nghiệp nhà  nước.  - Vai trò : giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ  các vị trí, các lĩnh vực then chốt trong nền  kinh tế ; là lực lượng vật chất quan trọng  để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ  mô nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện  nay, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác  cùng phát triển.  - Xu hướng vận động : trong những năm  tới, kinh tế nhà nước tập trung chủ yếu  vào một số lĩnh vực : kết cấu hạ tầng, sản  xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan  trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh  vực công ích, đẩy mạnh và mở rộng cổ  phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chuyển  một số công ty nhà nước thành tập đoàn  kinh tế hoạt động theo mô hình công ty  mẹ - công ty con, có sự tham gia cổ phần  của tư nhân trong nước và các nhà đầu tư  nước ngoài, trong đó Nhà nước giữ cổ  phần chi phối.  \* Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế  như thế nào ? |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Nội dung : bao gồm những hình thức  hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là  nòng cốt.  - Vai trò : kinh tế tập thể cùng với kinh tế  nhà nước ngày càng trở thành nền tảng  vững chắc của nền kinh tế quốc dân.  - Xu hướng vận động : tiếp tục tồn tại và  phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng,  từ thấp lên cao : tổ hợp tác, hợp tác xã  kiểu mới, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.  \* Kinh tế tư nhân là gì ?  - Nội dung : bao gồm kinh tế cá thể tiểu  chủ, kinh tế tư bản tư nhân.  - Vai trò : có vai trò quan trọng, là một  trong những động lực của nền kinh tế.  - Xu hướng vận động : hiện nay, phần  lớn hoạt động dưới hình thức hộ gia đình  đối với thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ  và đang có tiềm năng to lớn, vị trí quan  trọng lâu dài. Còn đối với thành phần  kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá  độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại dưới các  hình thức : doanh nghiệp tư bản tư nhân,  công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu  hạn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:**

1/ Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định

thành phần kinh tế?

2/ Tại sao trong 5 thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước lại giữ vai trò chủ đạo?

1/ Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định

thành phần kinh tế?

2/ Để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay, để nó phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo quỹ đạo XHCN, chống lại xu hướng tự phát TBCN.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

+ Tại sao Nhà nước lại phải quản lý kinh tế? (Nhóm 1)

+ Nội dung vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước? Tại sao Nhà nước lại có vai trò đó? (Nhóm 2,3)

+ Làm thế nào để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước?

(Nhóm 4)

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌................

**BÀI 7: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN**

**VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ**

**NƯỚC (Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Vì sao nói thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

Tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu tiết 1 của bài 7 (Thực hiện nền kinh tế nhiều

thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước) đã nắm vững được một số nội dung như : Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta . Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu phần còn lại của bài

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay (Tiếp theo)**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Kinh tế tư bản nhà nước là gì ?  - Nội dung : bao gồm các hình thức hợp tác liên  doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong  nước và nước ngoài.  - Vai trò : thành phần kinh tế này có vai trò rất quan  trọng, là cầu nối để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ  nghĩa xã hội ở nước ta. | **b. Các thành phần kinh**  **tế ở nước ta**  + Kinh tế cá thể, tiểu chủ:  dựa trên hình thức sở hữu  nhỏ về TLSX và lao động  của bản thân người lao  động  - Kinh tế tư bản nhà nước:  là thành phần kinh tế dựa |
| - Xu hướng vận động : hiện nay, thành phần kinh tế  này đang có nhiều tiềm năng phát triển.  - Hiểu như thế nào là đúng về thành phần kinh tế có  vốn đầu tư nước ngoài ?  - Nội dung : có quy mô vốn lớn, có trình độ quản lý  hiện đại và trình độ công nghệ cao, đa dạng về đối  tác.  - Vai trò : góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta  tăng trưởng và phát triển.  - Xu hướng phát triển : phát triển theo hướng sản  xuất kinh doanh để xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ  tầng kinh tế - xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện  đại, tạo thêm việc làm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm  vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả  lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | trên hình thức sở hữu hỗn  hợp về vốn giữa kinh tế nhà  nước với tư bản tư nhân  trong nước hoặc nước  ngoài.  - Kinh tế có vốn đầu tư  nước ngoài: là thành phần  kinh tế dựa trên hình thức  sở hữu vốn của nước ngoài.  => Nhà nước chủ trương  phát triển các thành phần  kinh tế để thu hút và sử  dụng có hiệu quả các nguồn  lực trong và ngoài nước, tạo  nhiều việc làm, thúc đẩy  tăng trưởng kinh tế. |

**Hoạt động 2:** Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều

thành phần.

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn học sinh xem sơ đồ trách nhiệm  của công dân (bảng 1, SGV, tr. 94) và giảng giải.  Từ sơ đồ, GV đặt câu hỏi:  - GV: Mỗi công dân có tráh nhiệm như thế nào đối  với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | **c. Trách nhiệm của công dân**  **đối với việc thực hiện nền**  **kinh tế nhiều thành phần**  - Tin tưởng và chấp hành tốt  chính sách phát triển nền kinh  tế nhiều thành phần.  - Tham gia lao động sản xuất  ở gia đình; vận động người  thân tham gia đầu tư vào sản  xuất, kinh doanh.  - Tổ chức sản xuất, kinh  doanh các ngành, nghề và mặt  hàng mà pháp luật không cấm.  - Chủ động tìm kiếm việc làm  trong các thành phần kinh tế. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:**

Câu hỏi 1 (Bài 7, SGK, tr.65): Thành phần kinh tế nhà nước khác với thành phần

kinh tế tư bản nhà nước về:

a. Hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất

b. Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất

c. Quan hệ trong phân phối sản phẩm

d. Tất cả các phương án trên

Câu hỏi 2 (Bài 8, SGK, tr.65): Theo em, với sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tìm kiếm việc làm có gì khác so với trước đây khi nền kinh tế nước ta còn tình trạng bao cấp?

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

1/ d

2/ Trong nền kinh tế nhiều thành phần, việc tìm kiếm việc làm có nhiều cơ hội.

Chúng ta có thể tham gia bất cứ thành phần kinh tế nào để có thu nhập chính đáng

cho mình, cho gia đình và xã hội.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

Các em về nhà học bài 7 (tiết 2), và tìm hiểu (qua sách tham khảo, mạng internet…)

một số nội dung liên quan đến bài ngoại khóa tìm hiểu về tác hại của các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp:

+ Ma túy là gì? Đặc điểm chung của ma túy?

+ Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp.

+ Những tác hại chung của ma túy.

+ Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta./.

.........................................................................................................................................‌.................

**PHẦN HAI: CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI**

**Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 tiết)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Hiểu được CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN.

- Nêu được sự những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta.

- Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm thời kì quá

độ lên CNXH ởViệt Nam.

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của GV**

\* Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGV Giáo dục công dân 11.Chuẩn kiến thức,kĩ năng

môn GDCD

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công

dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

\* Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ ( Sơ đồ về các thành phần kinh tế ), biểu bảng,…

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Sách giáo khoa GDCD lớp 11

- Sách bài tập GDCD 11

- Sơ đồ, biểu đồ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Nêu trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện các thành phần kinh tế?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

CNXH là mục tiêu cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu xây dựng. Hiện nay chúng ta đang trong thời kì quá độ lên CNXH.Vậy CNXH là gì?Thế nào là thời kì quá độ lên CNXH? CNXH có những đặc trưng cơ bản nào? Để trả lời câu hỏi đó , chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi**  - GV: Bằng kiến thứcđã học, em hãy cho biết lịch  sử xã hội loài người đã và đang trãi qua những chế  độ xã hội nào?  \* Em có nhận xét gì về trình độ phát triển của xh  sau so với xh trước? Nêu VD thực tiễn để minh  hoạ?  \* Theo em yếu tố nào đóng vai trò quyết định sự  thay đổi chế độ xh này bằng chế độ xh khác tiến  bộ hơn? Nêu VD thực tiễn để minh hoạ?  \* Theo quan điểm của CN Mac - Lê Nin,  XHCSCN phát triển qua những giai đoạn nào?  \* Hai giai đoạn phát triển của xh CSCN có gì  khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?  (+ Khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm.  - GV giải thích: "Làm theo năng lực, hưởng theo  lao động, có nghĩa là:Người làm nhiều hưởng | **1.**  **CNXH và những đặc**  **trưng cơ bản của CNXH ở**  **Việt Nam**  **a) CNXH là giai đoạn đầu**  **của xã hội CSCN**  Lịch sử phát triển của XH loài  người trải qua 5 chế độ xh từ  thấp đến cao:  - XH Cộng sản  nguyên thuỷ  - XH Chiếm hữu nô  lệ.  - XH Phong kiến.  - XH TBCN.  - XH CSCN.  - Các chế độ xã hội sau có  trình độ phát triển cao hơn và |
| nhiều, người làm ít hưởng iats, người không làm  không hưởng. Còn " làm theo năng lực, hưởng  theo nhu cầu" có nghĩa là: Làm ít, làm nhiều,  không làm đều hưởng thụ như nhau.  + Có sự khác nhau là do trình độ phát triển KT  đặc biệt là sự phát triển LLSX, mới chỉ đạt mức độ  đảm bảo cho xh thực hiện n/tắc phân phối “làm  theo năng lực, hưởng theo lao động”).  - GVdẫn lời: Ngay từ khi ra , ĐCSVN khẳng định  trãi qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ  nhân dân và sau đó tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua  giai đoạn phát triển TBCN. Sau khi hoàn thành  cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã  tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo con  đườngXHCN. Vậy CNXH ở Việt Nam có những  đặc trưng cơ bản gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác hóa | tiến bộ hơn so với các xã hội  trước đó.  - Yếu tố đóng vai trò quyết  định sự thay đổi chế độ xh, đó  là sự phát triển kinh tế, trong  đó sự phát triển LLSX là yếu  tố quyết định nhất.  - Theo quan điểm của CN  Mác - Lê nin CNCS phát  triển qua hai giai đoạn từ thấp  đến cao:  + Giai đoạn đầu (giai đoạn  thấp- CNXH):  + Giai đoạn sau (giai đoạn  cao- XH CSCN):  **-** Hai giai đoạn phát triển của  xã hội cộng sản chủ nghĩa  khác nhau ở cách thức phân  phối sản phẩm.Ở CNXH là  làm theo năng lực,hưởng theo  lao động.Còn ở CNCS là làm  theo năng lực, hưởng theo nhu  cầu. |

**Hoạt động 2: Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu**  **hỏi**  \* Theo em mục tiêu xây dựng đất nước là gì?  \* XHCN mà nd ta xd do ai làm chủ? Nêu vd  và liên hệ thực tiễn để minh hoạ?  \* XHCN mà nd ta xd có nền KT phát triển như  thế nào? Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh  hoạ?  \* XHCN mà nd ta xd có nền VH như thế nào?  Nêu vd và liên hệ thực tiễn để minh hoạ?  \* XHCN mà nd ta xd cuộc sống con người sẽ  như thế nào?  \* XHCN mà nd ta xd , các dân tộc trong cộng  đồng Việt Nam sống và quan hệ với nhau như  thế nào?  \* XHCN mà nd ta xd có nhà nước như thế nào?  \* XHCN mà nd ta xd có quan hệ với nhân dân  các nước trên thế giới như thế nào?  \* Từ những đặc trưng trên, em có nhận xét gì về  bản chất của CNXH?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ | **b) Những đặc trưng cơ bản**  **của CNXH ở Việt Nam**  - Là một xh dân giàu, nước  mạnh, công bằng, dân chủ, văn  minh.  - Do nhân dân làm chủ.  - Có nền KT phát triển cao, dựa  trên LLSX hiện đại và qh sx phù  hợp với trình độ phát triển của  LLSX  - Có nền VH tiên tiến, đậm đà  bản sắc dân tộc.  - Con người được giải phóng  khỏi áp bức , bất công, có cuộc  sống ấm no, tự do, hạnh phúc,  phát triển toàn diện.  - Các dt trong cộng đồng VN  bình đẳng, đk, tương trợ và giúp  đỡ nhau cùng tiến bộ.  - Có nhà nước pháp quyền  XHCN của nd, do nd, vì nd dưới  sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. |
| **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số  HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác  hóa | - Có quan hệ hữu nghị và hợp  tác với nd các nước trên thế giới.  - GVKL: CNXH mà chúng ta  đang xây dựng là một xã hội  phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội  trước đó. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý

nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** CNXH là giai đoạn đầu của CNCS; Những đặc trưng cơ bản của

CNXH.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc

sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

- Đọc trước tiết 2 - Bài 8

.........................................................................................................................................‌.................

**Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (Tiết 2)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân

ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GDCD lớp 11.

- giấy khổ lớn, bút dạ…

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh

tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt

Nam?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt

động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Quá độ lên CNXH ở nước ta**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu tìm hiểu  nội dung mục 1.  - GVDL: Bàn về CNXH, Mác - Lê Nin đã khẳng  định:" Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên  CNXH.Đó là điều không thể tránh khỏi và đều  phải trãi qua một thời kì quá độ, thời kì quá độ  lên CNXH".  - GV: Em hãy cho biết có mấy hình thức quá độ  đi lên CNXH?  - GV nêu 2 ht quá độ.  - GV: \* Theo em, sau khi hoàn thành CM  DTDCND đất nước thống nhất thì ở nước ta đã  có CNXH chưa? Tại sao?  (Vì: + Chưa có nền đại công nghiệp – cơ sở vc –  kt của CNXH.  + Chế độ công hữu về TLSX chủ yếu giữ vai  trò chủ đạo trong nền KT quốc dân cũng phải  qua một quá trình cải tạo và xd mới có được.)  \* Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc  và không còn bị bóc lột, chúng ta phải xd chế độ  xh nào? Tại sao? | **1.**  **Quá độ lên CNXH ở**  **nước ta**  **a) Tính tất yếu khách quan đi**  **lên CNXH ở Việt Nam**  \* Hai hình thức quá độ đi lên  CNXH là:  **- Một là‌**:Qúa độ trực tiếp từ  CNTB lên CNXH.  **- Hai là:** Qúa độ gián tiếp từ xã  hội tiền tư bản chủ nghiã  CNXH bỏ qua giai đoạn phát  triển chế độ TBCN.  - Khi đất nước thống nhất thì ở  nước ta chưa có CNXH với đầy  đủ và hoàn chỉnh những đặc  trưng của nó.  - Để có cuộc sống ấm no, tự  do, hạnh phúc và không còn bị  bóc lột, chúng ta phải xd chế độ  xh XHCN.  Vì: |
| \* Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH  bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn đúng đắn  của Đảng và nhân dân ta?  - Bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc thiết lập vị  trí thống trị của QHSX và KTTT TBCN ( bỏ qua  những mặt tiêu cực), nhưng tiếp thu, kế thừa  những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới  chế độ TBCN (về KH và CN‌o‌, để phát triển  nhanh LLSX, xd nền KT hiện đại).  - GVDL:Thời kì quá độ lên CNXH ở nước talà  sự tồn tại đan xen lẫn nhau giữa những yếu tố  của xã hội mới- XHXHCN đang đượcxây dựng  và những tàn dư của xã hội cũ trên các lĩnh vực  của đười sống xã hội.  GV: \* Trong th/kì quá độ ở nước ta có tồn tại cái  cũ, cái lạc hậu không? Cho vd minh hoạ?  (VD: Những tàn dư, tư tưởng của xh PK, như  những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan...đan xen  với nhân tố của xh mới đang xây dựng)  \* Theo em, nền KT nước ta hiện nay có đặc  điểm gì? Cho vd minh hoạ?  \* Trong lĩnh vực tư tưởng, VH có còn tồn  tại những tư tưởng, VH lạc hậu không? Cho vd  minh hoạ? | + Chỉ có đi lên CNXH thì đất  nước mới thực sự độc lập.  + Chỉ có CNXH mới xoá bỏ  tận gốc cơ sở sinh ra bóc lột  (chế độ tư hữu về TLSX).  + Giải phóng người lđ khỏi áp  bức, bóc lột, đưa họ từ người  nô lệ trở thành người làm chủ  xh; mới đem lại cuộc sông ấm  no, tự do và hạnh phúc; mọi  người có điều kiện phát triển  toàn diện.  =>Như vậy tất yếu đi lên  CNXH bỏ qua giai đoạn phát  triển TBCN là sự lựa chọn  đúng đắn của Đảng và nhân  dân ta là xu thế phát triển tất  yếu của thời đại. |

|  |  |
| --- | --- |
| \* Trong XH có còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp  không? Tại sao như vậy? Q/hệ giữa các g/c thế  nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện  nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS  trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV chính xác  hóa |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

- Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý

nghĩa của phát triển kinh tế.

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:**

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Câu1‌**: Em hãy liên hệ thực tiễn, nêu mặt tích cực và hạn chế trong xã hội ta hiện

nay?

\* Mặt tích cực:

- Nước ta có một Đảng duy nhất lãnh đạo.

- Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Có truyền thống yêu nước...

\* Mặt hạn chế:

- Tham ô, tham nhũng còn nhiều.

- Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

**Câu 2:** Em hãy nêu một vài biểu hiện về tàn dư của xã hội cũ cần phải đấu tranh mà em biết?

- Mê tín, dị đoan.

- Sinh nhiều con ( cần con trai)

- Tham ô, tham nhũng

- Tệ nạn xã hội

**Câu 3‌**: Nhà nước ta đã có những chính sách, chương trình nào chăm sóc cho người nghèo?

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

**b) Nội dung:** GV nêu yêu cầu:

**c) Sản phẩm:** HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

.........................................................................................................................................‌.................

**GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN TRONG**

**TRƯỜNG HỌC**

**(1 tiết)**

**I.**  **MỤC TIÊU‌**:

**1. Kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS:

- Ma túy là gì? Chất gây nghiện là gì?

- Nguyên nhân, tác hại của việc lạm dụng ma túy và cách phòng chống.

- Cơ chế cai nghiện.

- Các qui định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục & Đào tạo trong công tác phòng

chống ma túy và chất gây nghiện

**2. Năng lực**

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại

- Phương pháp nêu vấn đề

- Phương pháp thảo luận nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

\* Tài liệu: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Viện chiến lược và chương trình giáo dục: Tài liệu tập huấn giáo dục phòng chống ma tuý và chất gây nghiện trong trường học, Hà Nội, 8/2007.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Máy chiếu, giấy A4…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình bày đặc điểm của thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Giáo viên dẫn học sinh vào các hoạt động mới: Hoạt động hình thành kiến thức.

**B.**  **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Chuyên đề: TÁC HẠI CỦA CÁC CHẤT MA TÚY VÀ CHẤT GÂY NGHIỆN**

**THƯỜNG GẶP**

**1. Ma túy là gì?**

Ma túy là tên gọi chung chỉ những [chất gây nghiện‌](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%E1%BA%A5t_g%C3%A2y_nghi%E1%BB%87n&action=edit&redlink=1), [chất hướng thần‌](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%E1%BA%A5t_h%C6%B0%E1%BB%9Bng_th%E1%BA%A7n&action=edit&redlink=1), là các chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên và nhân tạo khi xâm nhập cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức, trí tuệ, chức năng sinh học của con người, có khả

năng gây nghiện, gây lệ thuộc về tâm lý và thể chất.

**1. Đặc điểm chung của ma túy**

Tất cả các ma túy đều gây nghiện, làm cho người nghiện bị lệ thuộc về tinh thần và thể chất, khi thiếu thuốc hoặc ngừng sử dụng sẽ có biểu hiện của hội chứng cai

nghiện, làm cơ thể có những phản ứng bất lợi, thậm chí có thể bị đe dọa đến tính

mạng.

Tuy nhiên, có một số chất gây nghiện nhưng không bị coi là ma túy như: rượu, bia, thuốc lá, thuốc lào, cà phê, chè (trà), coca cola…

**3. Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp**

**a. Các chất ma túy thường gặp**

**\* Các chất tâm túy gây kích thích**

Ở nhóm chất này, có nhiều chất ma túy thường gặp như: Cocain, Amphetamin và các chất dẫn xuất, Methamphetamin, Ecstasy, Cây khát (Catha). Trong đó, về tác hại, đáng lưu ý nhất là các chất sau:

**- Cocain:** được chiếc xuất từ lá cây coca, được trồng nhiều ở Nam Mỹ. Việc dùng cocain nguyên chất cực kỳ tai hại. Nó tác động tới não trong vòng 15 giây, làm rối loạn các tín hiệu điện của não, từ đó sinh ra trạng thái hoang tưởng, kích thích, hưng phấn mạnh.

Người nghiện cocain bị di chứng rối loạn chức năng của cơ quan thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, dễ gây ảo giác, chóng mặt, liệt hô hấp và có thể dẫn đến tử vong.

**- Methamphetamin** (dimethylphenethylamin hay còn được gọi tắt là Meth, Speed)

được tổng hợp từ amphetamin, mạnh hơn amphetamin và gấp 500 lần so với thuốc phiện, có khả năng gây nghiện mạnh và tác động nhanh đến hệ thần kinh. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng dễ bị kích động gây tội ác tức thì, đồng thời làm não thiếu tập trung và “đần” hẳn đi. Vài tháng sau, người nghiện bị sụt cân và có nhu cầu tăng liều dùng, lúc đó nó trở thành tác nhân kích thích người nghiện đi đến hành vi bạo lực vô cùng man rợ. Sử dụng lâu ngày thì tính mạng sẽ bị đe dọa, dễ hôn mê, chết đột tử.

**- Ecstasy** (XTZ) cũng là loại gây nghiện cực mạnh, đang được sử dụng phổ biến.

**- Cây khát (CATHA)** là chất kích thích thần kinh cực mạnh. Lá khát thường được sử dụng tươi bằng cách nhai sống. Những người nghiện nhai lá khát dễ không làm chủ được bản thân, hành động quá khích, thậm chí điên khùng.

**\* Chất ma túy gây ảo giác**

**Cần sa:** (thường gọi là bồ đà, còn gọi là cây gai dầu, cây lanh mèo, cây gai mèo, cây đại ma…). Sản phẩm bất hợp pháp từ cây cần sa gồm 3 loại: thảo mộc cần sa, nhựa cần sa và tinh dầu cần sa. Tác hại: gây kích thích, hoảng hốt, ảo giác, xơ gan, liệt

dương, vô sinh, sinh non.

**\* Các chất ma túy gây ức chế thần kinh**

**- Thuốc phiện‌**: (còn gọi là cây anh túc, cây thẩu, cây á phiện, nha phiến, opium, ả phù dung), có 3 dạng: thuốc phiện sống, thuốc phiện chín và sái thuốc phiện. Tác hại khi sử dụng: người sử dụng thuốc phiện dễ mắc bệnh truyền nhiễm, viêm tắc tĩnh mạch, dễ dẫn đến tàn tật, tử vong.

**- Morphine:** là hóa chất tự nhiên, được chiết xuất từ nhựa thuốc phiện, là hoạt chất chính của thuốc phiện, thực chất là một loại thuốc trị bệnh, có tác dụng làm giảm đau hoặc mất cảm giác đau khi bị chấn thương, sau khi phẫu thuật, hoặc ung thư ở giai đoạn cuối, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy. Tác hại của morphine: gây rối loạn tâm thần, ức chế hô hấp, dễ suy tim trụy mạch, mất tri giác, hạ huyết áp, mất ngủ… Phụ nữ có thai sử dụng morphine thường đẻ non, trẻ sơ sinh bị suy dinh dưỡng, rối loạn hành vi, mất ngủ, nôn mửa, tiêu chảy.

**- Heroin:** (còn gọi là bạch phiến, hàng trắng, xì ke) được tổng hợp từ morphine, có dạng bột hoặc cục, giá heroin đắt gấp hàng trăm lần so với giá thuốc phiện. Tác hại:

độc tính gấp 10 lần thuốc phiện, dễ gây ra ngộ độc, đột tử, rối loạn tâm thần, hủy hoại thân thể…

**- Barbiturat và các thuốc an thần** (các chất ức chế hệ thần kinh): **Barbiturat** là nhóm chất an thần chống co giật. Tác hại: người nghiện dễ bị mất trí nhớ, nói ngọng, ảo giác, tổn thương hệ tuần hoàn, có khi bị ngộ độc và tử vong (khi sử dụng liều cao).

Các loại thuốc an thần là thuốc trị bệnh, nhưng khi lạm dụng thì trở thành ma túy.

**- Dolargan** (còn có tên là Phetidin) là chất bột màu trắng thuộc vào nhóm các chất ức chế hệ thần kinh, làm giảm đau, gây nghiện. Tác hại: khi đã nghiện, nếu đói thuốc cũng gây bồn chồn, đổ mồ hôi, chuột rút, nôn mửa, mất ngủ, đau đớn.

**- Seduxen: l‌**à một loại dược phẩm tổng hợp, thuộc nhóm chất ức chế hệ thần kinh, là thuốc an thần gây ngủ. Thuốc này được kiểm soát chặt chẽ, chỉ được sử dụng khi mất ngủ và phải có sự hướng dẫn của thầy thuốc. Tác hại: nếu sử dụng thường xuyên, lâu dài sẽ gây quen thuốc, ảnh hưởng xấu đến tim, gan, thận và rối loạn thần kinh, sử dụng liều cao có thể gây tử vong.

**b. Các chất gây nghiện thường gặp**

**- Caphêin:** là một chất kích thích, làm tăng tốc việc tạo các xung lực thần kinh bằng cách tăng cường hoạt động của bộ não. Với dạng tinh khiết nhất, caphêin chứa các tinh thể có tạo vị đắng và được tìm thấy trong rất nhiều chất thông thường như: cà phê, trà, bột ca cao, sôcôla. Tác hại: với liều lượng lớn (trung bình khoảng 8 cốc cà phê hay 600 mg caphêin), caphêin có thể làm đau đầu, bồn chồn, lo sợ và thậm chí mê sảng. Với liều lượng rất lớn (từ 10.000 mg caphêin trở lên, tương đương với 100 - 200 cốc trà hoặc cà phê), caphêin có thể làm tăng đường trong máu và axít trong nước tiểu. Việc sử dụng thường xuyên caphêin với 600 mg một ngày (hoặc 8 cốc cà phê uống liền) có thể gây ra chứng mất ngủ mãn tính, sự lo lắng thường xuyên, trầm cảm và tình trạng rối loạn tiêu hóa, có thể làm cho tim yếu đi và tăng nguy cơ gây ung thư.

**- Nicotin: l‌**à hoạt chất của cây thuốc lá, là chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên.

Chất này kích thích hệ thần kinh, tuy không bị coi là ma túy nhưng khi nghiện sẽ dễ bị ung thư phổi và viêm phế quản, đau dạ dày, nhăn da, trụy tim… Nếu đã nghiện thì dễ dàng dẫn tới nghiện ma túy, trẻ em không được phép sử dụng.

**4. Những tác hại chung của ma túy**

**a. Tác hại đối với cá nhân người nghiện**

- Ảnh hưởng đến sức khỏe:

+ Dưới cái nhìn của y học, nghiện ma túy là một căn bệnh.

+ Những người nghiện ma túy thường bị rối loạn sinh lý (tiêu hóa, thần kinh, tuần hoàn, hô hấp…).

+ Những người nghiện ma túy thường bị bệnh tim mạch, huyết áp; dễ mắc bệnh gan và bệnh thận; thường mắc các bệnh thần kinh; bệnh mất trí nhớ.

+ Người nghiện ma túy hướng thần gây ảo giác có gốc amphétamines (đang được gọi là hồng phiến hay ma túy điên) ngoài việc đột tử do quá liều còn thường bị mục răng.

+ Những người nghiện ma túy có thể bị tai biến do tiêm chích, thường mắc bệnh

HIV/AIDS. Phần lớn những người bệnh AIDS, khoảng gần 70%, theo điều tra nghiên cứu gần đây, là những người nghiện hút và chích ma túy. Tuy nhiên, ở nhiều tỉnh của nước ta, có khoảng 80 - 90% người nhiễm HIV là người nghiện chích ma tuý.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, hết tháng 6/2008, Việt Nam có 129.722 người nhiễm HIV, 26.840 bệnh nhân AIDS và 39.664 bệnh nhân tử vong do AIDS. Ước tính và dự báo nhiễm HIV/AIDS đến năm 2010 là 311.500 người, tỷ lệ AIDS là 111. 227 người, chết vì AIDS lên đến 104. 710 người.

+ Người nghiện ma túy thường mắc các bệnh kèm theo như ghẻ lở, hắc lào…

- Ảnh hưởng tới tâm lý: tinh thần luôn căng thẳng, ý chí, nghị lực bị thui chột.

- Ảnh hưởng tới nhân cách và đạo đức của người nghiện: làm giảm sút nhân cách, suy thoái về đạo đức cá nhân.

**b. Ma túy ảnh hưởng tới gia đình**

Tệ nạn nghiện ma túy đã làm tan vỡ hạnh phúc của hàng vạn gia đình.

**c. Ma túy ảnh hưởng tới xã hội**

- Ảnh hưởng xấu tới trật tự, an ninh xã hội: làm cho trật tự an toàn xã hội bị đe dọa, làm phát sinh các tệ nạn như buôn lậu, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp, cướp giật, tai nạn giao thông…; là một trong những nguyên nhân lan truyền HIV/AIDS.

- Ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của xã hội:

**+** Tuổi nghiện thường bắt đầu từ độ tuổi tươi đẹp nhất làm được nhiều việc nhất (15 - 35 tuổi), mất lực lượng lao động chính cho xã hội, hàng vạn người nghiện sống bám vào xã hội.

+ Tệ nạn nghiện ma tuý gây thiệt hại lớn về kinh tế cho đất nước. Với trên 100.000 người nghiện hàng ngày dùng nhiều loại chất ma túy khác nhau có loại như hêroin:

100.000đồng/liều, có loại 30.000 đồng đến 70.000 đồng/liều, có người nghiện phải dùng 3 lần 1 ngày, mỗi năm số người nghiện sẽ tiêu phí hết trên 1. 000 tỷ đồng.

Ngân sách dành cho việc nuôi dưỡng chữa trị rất lớn. Ví dụ: Ở thành phố Hồ Chí Minh, thống kê 4 năm (2004 đến 2007): tổng số người nghiện: 37.000 người, tổng số trung tâm: 17 (31.000 người), chi ngân sách: 1800 tỷ đồng. 1800 tỷ/ 31.000 người **~=** 60 triệu đồng/ người.

**5. Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta**

Tình hình nghiện ma túy tính đến hết ngày 30/6/2008 cả nước có 169.000 người

nghiện có hồ sơ quản lý, giảm 8.975 người so với cuối năm 2007. Tội phạm ma túy cũng rất phức tạp. Mặc dù các lực lượng chức năng đã đấu tranh, tấn công quyết liệt nhưng tại các tuyến, địa bàn trọng điểm, hoạt động mua bán, vận chuyển ma túy từ bên ngoài vào nước ta vẫn rất đáng lo ngại. Đặc biệt là tại các địa bàn thuộc các tuyến Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc miền Trung, Tây Nam Bộ và trên tuyến biển. Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt và sử dụng vũ khí chống đối quyết liệt hơn. Hiện có 35/64 tỉnh, thành phố có tình trạng trồng và tái trồng cây thuốc phiện, cây cần sa. Một số nơi có diễn biến phức tạp như Lạng Sơn đã phát hiện và triệt phá trên 35.000 m‌2‌, tại Lai Châu diện tích này là

19.300 m‌1.

.........................................................................................................................................‌

.............................

**Tiết 17: ÔN TẬP HỌC KỲ I**

**I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1‌**. **Về kiến thức**

- Giúp học sinh hệ thống hoá một số kiến thức cơ bản trong chương trình đã học.

**2**  **Về kĩ năng**

- Trên cơ sở những kiến thức đã học có thể vận dụng vào hoạt động thực tiễn trong

đời sống hàng ngày của bản thân mình.

**3.**  **Về thái độ**

- Có ý thức tự giác trong học tập cũng như trong khi làm bài kiểm tra.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Đề kiểm tra

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Giấy kiểm tra, bút viết.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

1.Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:Không

3. Tiến trình bài học:

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi ôn tập phần trắc nghiệm và tự luận

- GV hướng dẫn học sinh ôn tập

**Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu dưới đây:**

**Câu 1:** Quan niệm nào sau đây là đúng nhất về hàng hóa?

a.Hàng hóa là sản phẩm của lao động

b.Hàng hóa là vật phẩm do con người làm ra, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó

của con người

c.Hàng hóa là tất cả những gì được đem ra trao đổi mua – bán trên thị trường

d.Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của

con người thông qua trao đổi, mua – bán

**Câu 2: Hàng hóa có hai thuộc tính là:**

a.Giá trị sử dụng và giá trị

b.Giá trị sử dụng và giá trị trao đổi

c.Giá trị và giá trị trao đổi

d.Giá trị cá biệt và giá trị xã hội

**Câu 3: Giá trị sử dụng của hàng hóa là:**

a.Công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người

b.Tính hữu ích của vật

c.Thuộc tính tự nhiên của vật

d.Cả a, b và c đều đúng

**Câu 4: Số lượng giá trị sử dụng của hàng hóa phụ thuộc vào các nhân tố nào?**

a.Những điều kiện tự nhiên

b.Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học công nghệ

c.Chuyên môn hóa sản xuất

d.Cả a, b và c đều đúng

**Câu 5: Giá trị của hàng hóa là:**

a.Lao động cá biệt của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa đó

b.Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

c.Nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi

d.Cả b và c đều đúng

**Câu 6: Giá trị của hàng hóa được quyết định bởi:**

a.Sự khan hiếm của hàng hóa

b.Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa

c.Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa

d.Công dụng của hàng hóa

**Câu 7: Lượng giá trị xã hội của hàng hóa được quyết định bởi:**

a.Hao phí vật tư kỹ thuật

b.Hao phí lao động sống của người sản xuất hàng hóa

c.Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó

d.Hao phí lao động cần thiết của người đã sản xuất ra hàng hóa đó

**Câu 8: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:**

a.Tỷ lệ thuận với năng suất lao động

b.Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động

c.Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động, không phụ thuộc vào cường độ lao động

d.Cả a và b đều đúng

**Câu 9: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa thay đổi:**

a.Tỷ lệ nghịch với thời gian lao động xã hội cần thiết và năng suất lao động

b.Tỷ lệ thuận với thời gian lao động xã hội cần thiết

c.Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động

d.Cả b và c đều đúng

**Câu 10: Lượng giá trị của đơn vị hàng hóa:**

a.Tỷ lệ thuận với cường độ lao động

b.Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động

c.Không phụ thuộc vào cường độ lao động

d.Cả a, b và c đều đúng

**Câu 11: Giá trị cá biệt của hàng hóa do:**

a.Hao phí lao động giản đơn trung bình quyết định

b.Hao phí lao động của ngành quyết định

c.Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định

d.Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hóa quyết định

**Câu 12: Giá cả của hàng hóa là:**

a.Sự thỏa thuận giữa người mua và người bán

b.Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị

c.Số tiền người mua phải trả cho người bán

d.Giá tiền đã in trên sản phẩm hoặc người bán quy định.

**Câu 13: Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hóa là:**

a.Giá trị của hàng hóa

b.Quan hệ cung – cầu về hàng hóa

c.Giá trị sử dụng của hàng hóa

d.Mốt thời trang của hàng hóa

**Câu 14: Hai hàng hóa trao đổi được với nhau vì:**

a.Chúng cùng là sản phẩm của lao động

b.Có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng

nhau.

c.Có lượng hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau

d.Cả a và b đều đúng

**Câu 15: Chọn các ý không đúng về sản phẩm và hàng hóa:**

a.Mọi sản phẩm đều là hàng hóa

b.Mọi hàng hóa đều là sản phẩm

c.Mọi sản phẩm đều là kết quả của sản xuất

d.Không phải mọi sản phẩm đều là hàng hóa

**Câu 16: Tiền tệ là gì?**

a.Thước đo giá trị của hàng hóa

b.Phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán

c.Là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò là vật ngang giá chung

d.Là vàng, bạc

**Câu 17: Bản chất của tiền tệ là gì ? Chọn các ý đúng :**

a.Là hàng hóa đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hóa khác

b.Thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa

c.Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa với nhau

d.Cả a, b, c đều đúng

**Câu 18: Tiền tệ có mấy chức năng khi chưa có quan hệ kinh tế quốc tế?**

a.Hai chức năng

b.Ba chức năng

c.Bốn chức năng

d.Năm chức năng

**Câu 19: Tiền tệ có mấy chức năng?**

a.Hai chức năng

b.Ba chức năng

c.Bốn chức năng

d.Năm chức năng

**Câu 20: Hậu quả khi lạm phát xảy ra là:**

a.Giá cả của hàng hóa tăng, sức mua của tiền giảm

b.Đời sống của nhân dân lao động gặp khó khăn

c.Các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước kém hiệu lực

d.Tất cả đều đúng

**Câu 21: Nhân tố cơ bản của thị trường là:**

a.Hàng hóa

b.Tiền tệ

c.Người mua, người bán

d.Bao gồm tất cả các nhân tố trên

**Câu 22: Sản xuất và lưu thông hàng hóa chịu sự chi phối của những quy luật**

**kinh tế nào?**

a.Quy luật giá trị

b.Quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu

c.Quy luật lưu thông tiền tệ

d.Cả a, b và c đều đúng

**Câu 23: Quy luật giá trị có yêu cầu gì?**

a.Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội

cần thiết

b.Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá

c.Hao phí lao động cá biệt phải phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần

thiết

d.Cả a, b và c đều đúng

**Câu 24: Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá. Điều này được hiểu**

**như thế nào là đúng?**

a.Giá cả của từng hàng hóa luôn luôn bằng giá trị của nó

b.Giá cả của từng hàng hóa có thể cao hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa được hình

thành trong sản xuất nhưng phải vận động xoay quanh trục giá trị của nó

c.Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra

trong quá trình sản xuất

d.Cả b và c đều đúng

**Câu 25: Quy luật giá trị tồn tại ở riêng:**

a.Nền sản xuất hàng hóa giản đơn

b.Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa

c.Trong nền sản xuất vật chất nói chung

d.Trong nền kinh tế hàng hóa

**Câu 26: Quy luật giá trị có tác động:**

a.Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

b.Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và tăng năng suất lao động

c.Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

d.Bao gồm tất cả các tác động trên

**Câu 27: Việc làm nào sau đây của Nhà nước thể hiện sự vận dụng quy luật giá**

**trị?**

a.Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

b.Thực hiện chế độ một giá, một thị trường thống nhất trong cả nước và mở cửa

với thị trường nước ngoài

c.Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực

d.Tất cả các việc làm trên

**Câu 28: Việc làm nào sau đây của công dân thể hiện sự vận dụng nội dung và**

**tác động của quy luật giá trị?**

a.Phấn đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận

b.Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp

với nhu cầu

c.Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao

chất lượng hàng hóa

d.Tất cả các việc làm trên

**Câu 29: Nội dung cốt lõi của khái niệm cạnh tranh được thể hiện ở khía cạnh**

**chủ yếu nào sau đây?**

a.Tính chất của cạnh tranh

b.Các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh

c.Mục đích của cạnh tranh

d.Tất cả các khía cạnh trên

**Câu 30: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là:**

a.Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự

do sản xuất kinh doanh

b.Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau

c.Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản

xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ

d.Tất cả các nguyên nhân trên

**Câu 31: Cạnh tranh nhằm mục đích gì?**

a.Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác

b.Giành ưu thế về khoa học và công nghệ

c.Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng

d.Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán…

e.Tất cả các mục đích trên

**Câu 32: Mục đích của cạnh tranh là gì? Chọn câu trả lời đúng nhất trong các**

**câu trả lời sau:**

a.Nhằm thu lợi nhuận nhiều nhất

b.Nhằm mua, bán hàng hóa với giá cả có lợi nhất

c.Giành các điều kiện sản xuất thuận lợi nhất

d.Giành lợi ích tối đa cho mình

**Câu 33: Nhà nước sử dụng công cụ, biện pháp gì để khắc phục, điều tiết mặt**

**hạn chế của cạnh tranh?**

a.Thông qua giáo dục

b.Thông qua hệ thống pháp luật

c.Các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp

d.Tất cả các công cụ, biện pháp trên

**Câu 34: Cạnh tranh có mấy loại:**

a.3 loại

b.4 loại

c.5 loại

d.6 loại

**Câu 35: Đâu là mặt tích cực của cạnh tranh?**

a.Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao

động tăng lên

b.Làm cho môi trường, môi sinh mất cân bằng nghiêm trọng

c.Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bất lương

d.Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

**Câu 36: Đâu là mặt hạn chế của cạnh tranh?**

a.Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển, năng suất lao

động tăng lên

b.Khai thác tối đa mọi nguồn lực

c.Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

d.Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

**Câu 37: Những nhân tố khách quan nào ảnh hưởng tới giá cả thị trường?**

a.Giá trị thị trường của hàng hóa

b.Cung – cầu hàng hóa và sức mua của tiền

c.Cạnh tranh trên thị trường

d.Cả a, b, c

**Câu 38: Cung – cầu là quy luật kinh tế. Thế nào là cầu?**

a.Là nhu cầu của thị trường về hàng hóa

b.Là nhu cầu của người mua hàng hóa

c.Là sự mong muốn, sở thích của người tiêu dùng

d.Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời

kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

**Câu 39: Thế nào là cung hàng hóa?**

a.Là số lượng hàng hóa xã hội sản xuất ra

b.Là toàn bộ số hàng hóa đem bán trên thị trường

c.Là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị

trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản

xuất và chi phí sản xuất xác định

d.Là toàn bộ khả năng cung cấp hàng hóa cho thị trường

**Câu 40:**  **Quan hệ cung – cầu có ảnh hưởng đến:**

a.Giá trị hàng hóa

b.Giá cả hàng hóa

c.Giá trị thặng dư

d.Cả a, b, c đều đúng

**Câu 41: Đâu là biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu?**

a.Cung – cầu tác động lẫn nhau

b.Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

c.Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

d.Cả a, b, c

**Câu 42: Nội dung nào sau đây đề cập đến vai trò của quan hệ cung – cầu?**

a.Là cơ sở để nhận thức vì sao giá cả thị trường và giá trị hàng hóa chênh lệch

nhau

b.Là căn cứ để người sản xuất, kinh doanh mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh

doanh

c.Là cơ sở để người tiêu dùng lựa chọn khi mua hàng hóa

d.Tất cả các nội dung trên

**Câu 43: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước?**

a.Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ

mô thích hợp

b.Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các

trường hợp cung – cầu

c.Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi

d.Cả a và b đều đúng

**Câu 44: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người sản xuất, kinh doanh?**

a.Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ

mô thích hợp

b.Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các

trường hợp cung – cầu

c.Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi

d.Cả b và c đều đúng

**Câu 45: Nội dung nào thể hiện sự vận dụng quan hệ cung – cầu của người tiêu dùng?**

a.Điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp vĩ

mô thích hợp

b.Ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh thích ứng với các

trường hợp cung – cầu

c.Ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung – cầu để có lợi

d.Tất cả đều sai

**GỢI Ý TRẢ LỜI PHẦN KIẾN THỨC (LÝ THUYẾT)**

**Câu 1:** Trình bày nội dung và biểu hiện của nội dung quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Nội dung khái quát: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

- Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa:

+ Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

**Đối với từng hàng hóa,** phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra từng hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra từng hàng hóa đó.

**Đối với tổng số hàng hóa,** phải đảm bảo sao cho tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất tổng hàng hóa phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hóa đó.

+ Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

**Đối với từng hàng hóa‌**, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

**Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội‌**, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

**Câu 3:** Phân tích nội dung của quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- KN: Quan hệ cung – cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với

người mua hay giữa những người sản xuất với người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Những biểu hiện của nội dung quan hệ cung – cầu:

+ Cung – cầu tác động lẫn nhau:

. Khi cầu tăng 🡪 sản xuất mở rộng 🡪 cung tăng.

. Khi cầu giảm 🡪 sản xuất giảm 🡪 cung giảm.

+ Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:

. Khi cung = cầu 🡪 giá cả = giá trị.

. Khi cung > cầu 🡪 giá cả < giá trị.

. Khi cung < cầu 🡪 giá cả > giá trị.

+ Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu:

. Khi giá cả tăng 🡪 sản xuất mở rộng 🡪 cung tăng và cầu giảm khi mức thu nhập không tăng.

. Khi giá cả giảm 🡪 sản xuất giảm 🡪 cung giảm và cầu tăng mặc dù thu nhập không tăng.

**Câu 4:** Trình bày tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Do yêu cầu phải xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế, kỹ thuật và công nghệ giữa Việt Nam và thế giới.

+ Do yêu cầu phải tạo ra năng suất lao động xã hội cao, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của xã hội

- Tác dụng to lớn và toàn diện của công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Tạo tiền đề thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tạo tiền đề cho việc củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa công nhân, nông dân, trí thức.

+ Tạo tiền đề phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, gắn với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

và tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

**.........................................................................................................................................‌**

**.......................**

**Tiết 18: KIỂM TRA HỌC KỲ I**

**A.MỤC TIÊU KIỂM TRA**

- Đánh giá được chất lượng học tập bộ môn của học sinh và thái độ của học sinh

đối với bộ môn.

- Đánh giá được kĩ năng, kĩ xảo làm bài của học sinh và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tế địa phương.

- Từ đó giáo viên có cái nhìn tổng quát và điều chỉnh (nếu có) phương pháp và kĩ năng truyền thụ kiến thức cho học sinh.

**B. CHUẨN BỊ CỦA GV - HS**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Ma trận, đề kiểm tra.

- Đáp án, biểu điểm.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Giấy kiểm tra, bút viết.

**3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp**  **độ**    **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Cấp độ**  **thấp** | **Cấp độ**  **cao** |
| **1. Hàng hoá**  **- Tiền tệ -**  **Thị trường** | Nêu được chức  năng thị trường | Hiểu, phân  tích được  chức năng  của thị  trường | Lấy ví  dụ minh  hoạ |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ: | 1/3  1,0  10% | 1/3  2,0  20% | 1/3  1,0  10% |  | 1  4,0  40% |
| **1. Công**  **nghiệp hóa,**  **hiện đại hóa**  **đất nước** | Nêu được khái  niệm CNH,  HĐH.  Tác dụng của  CNH, HĐH. |  |  | Lý giải vì  sao ở  nước ta  CNH gắn  liền với  HĐH? |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ | 2/3  2,5  25% |  |  | 1/3  1,0  10% | 1  3,5  35% |
| **3. Chủ**  **nghĩa xã hội** | Nêu được các  đặc trưng cơ  bản của chủ  nghĩa xã hội ở  nước ta. |  |  | Từ những  đặc của  chủ nghĩa  xã hội, rút  ra bản  chất của  CNXH. | 1  2,5  25% |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ | 3/4  2,0  20% |  |  | 1/4  0,5  5% |  |
| **Tổng số câu:**  **Tổng số**  **điểm:**  **Tỉ lệ:** | 1/3+ 2/3+ 3/4  5,5  55% | 1/3  2,0  20% | 1/3  1,0  10% | 1/3+ 1/4  1,5  15% | 3  10  100% |

**- Biên soạn đề kiểm tra:**

Câu 1: Em hãy nêu và phân tích các chức năng của thị trường? Lấy ví dụ minh họa?

(4,0 điểm)

Câu 2: CNH, HĐH là gì? Tác dụng của CNH,HĐH? Tại sao ở Việt Nam CNH gắn

liền với HĐH? (3,5 điểm).

Câu 3: Hãy nêu những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.Từ những

đặc trưng trên, em có nhận xét gì về bản chất của chủ nghĩa xã hội?

**- Hướng dẫn chấm – Biểu điểm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Tiêu**  **chí** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu**  **1** | 1 | Chức năng thị trường:  - Khái niệm thị trường  - Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng  và giá trị hàng hóa.  - Chức năng thông tin  - Chức năng điều tiết, kích thích, hoặc hạn chế sản  xuất, tiêu dùng. | 1,0  0,25  0,25    0,25    0,25 |
| 2 | Phân tích chức năng thị trường:  - Chức năng thực hiện (thừa nhận) giá trị sử dụng và  giá trị của hàng hoá. | 2,0 |
|  |  | + Hàng hoá bán được tức là xã hội thừa nhận hàng  hóa đó phù hợp nhu cầu của thị trường thì giá trị của  nó được thực hiện.  + Hàng hóa được người tiêu dùng sử dụng có nghĩa là  giá trị sử dụng được chấp nhận.  - Chức năng thông tin.‌    (1 điểm)  + Cung cấp thông tin về những biến động của nhu  cầu xã hội.  + Những thông tin thị trường cung cấp: quy mô cung  – cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện  mua - bán.  - Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản  xuất và tiêu dùng‌**.‌**    (1 điểm)  + Sự biến động của cung – cầu trên thị trường điều  tiết kích thích các yếu tố sản xuất.  + Đối với người sản xuất: giá cao thì tăng sản xuất và  ngược lại.  + Đối với lưu thông: điều tiết hàng hoá và dịch vụ  theo giá. | 0,25      0,25      0,25  0,25        0,25    0,25    0,25  0,25 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | + Đối với người tiêu dùng: giá cao thì giảm mua và  ngược lại |  |
| 3 | Ví dụ minh họa: | 1,0 |
| **Tổng điểm‌4,0** | | | |
| **Câu**  **2:** | 1 | Khái niệm: CNH,HĐH là quá trình chuyển đổi căn  bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế  xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang  sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với  công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện  đại nhằm tạo năng suất lao động xã hội cao. | 0,5 |
| 2 | Tác dụng:  - Tạo điều kiện để phát triển LLSX và tăng NSLĐ,  thúc đẩy phát triển kinh tế.  - Tạo LLSX mới làm tiền đề cho việc củng cố QHSX  XHCN, tăng cường vai trò của Nhà nước XHCN,  Tăng cường mối quan hệ liên minh công - nông - trí  thức.  - Tạo tiền đề hình thành và phát triển nền văn hóa  mới.  - Tạo cơ sở vật chất - kĩ thuật cho việc xây dựng nền  kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập kinh | 2,0  0,5      0,5        0,5 |
|  |  | tế quốc tế, củng cố và tăng cường quốc phòng, an  ninh. | 0,5 |
| 3 | Việt Nam tiến hành CNH gắn liền với HĐH vì: VN  tiến hành CNH,HĐH muộn, để rút ngắn khoảng cách  tụt hậu với các nước trên thế giới; VN tiến hành muộn  nên vừa có bước đi tuần tự vừa có bước đi tắt, đón đầu  kế thừa thành tựu của các nước đi trước. | 1,0 |
| **Tổng điểm‌3,5** | | | |
| **Câu**  **3** | 1 | - Là một xh dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân  chủ, văn minh.  - Do nhân dân làm chủ.  - Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại  và qh sx phù hợp với trình độ phát triển của LLSX  - Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.  - Con người được giải phóng khỏi áp bức , bất công,  có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn  diện.  - Các dt trong cộng đồng VN bình đẳng, đk, tương trợ  và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.  - Có nhà nước pháp quyền XHCN của nd, do nd, vì  nd dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. | 2,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nd các nước  trên thế giới. |  |
| 2 | - GVKL: CNXH mà chúng ta đang xây dựng là một  xã hội phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội trước đó. | 0,5 |
| **Tổng điểm**  **2,5** | | | |
| **Tổng câu:‌3**  **Tổng điểm:‌10,0** | | | |

- Xem xét lại đề kiểm tra

- Học sinh: Ôn tập nội dung đã học, giấy kiểm tra

**III. Tiến trình lên lớp.**

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Giáo viên phát đề

3. Hs làm bài

4. Giáo viên thu bài

5. Nhận xét, đánh giá tiết kiểm tra